

Tác Giả và Tác Phẩm

Vũ Hữu Định

Tiểu sử

Tên thật: Lê Quang Trung. Sinh năm 1942 tại Thừa Thiên.
Mất năm 1981 tại Đà Nẵng.

Tác phẩm

Còn một chút gì để nhớ



Mục Lục

Đi tìm Vũ Hữu Định ở Mỹ – Trần Hòa Thư – 2
Vũ Định, tình ca lỡ vận – Đặng Tiến – 4
Súng đã nổ trong buổi chiều im lặng – 11
Vũ Hữu Định – Nguyễn Đình Toàn - 13
Vũ Hữu Định – Võ Phiến - 15

Phụ đính I :

Thơ Vũ Hữu Định
(tr 16)

Phụ đính II :

Vũ Hữu Định, rượu thơ tràn thế - Trần Tuấn - 20
Vũ Hữu Định, một chút gì để nhớ - Nguyễn Mạnh Trinh - 24
Kỷ niệm với một thi sĩ chết trẻ - Dương Hoài Ninh - 29
Người lang thang với thơ trên đôi dép cỏ - Nguyễn Lệ Uyên - 32
Tháng giêng nhớ Vũ Hữu Định – Trần Trung Sáng - 35
Vũ Hữu Định, gian nan chạy suốt kiếp người – Ngô Nguyên Nghiễm - 37
Nhà thơ Vũ Hữu Định – Nguyễn & Bạn hữu - 41

(Tìm bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Đi tìm Vũ Hữu Định ở Mỹ Trần Hoài Thư

Trong một căn phòng rộng mênh mông của thư viện Đại học Cornell New York, đầy kệ ngăn san sát, nơi chứa đựng những di sản về văn hóa của toàn thế giới, có ai ngờ một tạp chí như *Tiếng Động*, tiếng nói của Ban đại diện Đại học xá Minh Mạng vào năm 1971, hay *Trước Mặt* do Phan Nhự Thức chủ biên trước 1975 ở Quảng Ngãi lại nằm giữa kệ sách. Ai có thể ngờ tạp san *Bộ Binh* của khóa 23/24 Thủ Đức vào năm 1966 lại được đóng bìa cứng, có mặt tại đây. Cũng thật không thể tưởng tượng có những nội san của các trường trung học, đại học miền Nam trước đây được cất giữ. Đó là những ví dụ để nói lên sự giữ gìn và bảo tồn văn hóa nhân loại của một đại học Hoa Kỳ. Nó không có màn kỳ thị, không kẻ thắng người thua. Không trả thù. Không kết án nọc độc để rồi đốt hủy... Nó chẳng cần phân biệt hay ưu đãi ai. Sách nào cũng được bảo bọc tối đa, bìa cứng, chữ nổi. Nếu là tạp chí quá cũ thì được bỏ vào hộp carton, cột dây cẩn thận.

Không những chỉ có căn phòng rộng mênh mông này để cất giữ di sản văn chương miền Nam mà còn có cả một tòa nhà khác nằm riêng biệt ngoài vòng đai của khuôn viên đại học cũng chứa các tạp chí và sách báo của miền Nam, loại ngoại cỡ. Nơi này, có những tập như *Khởi Hành* đóng bộ, hay nguyệt san *Đời*, hay những bộ nhật báo *Chính Luận*, *Tin Sáng*, *Điện Tín* v.v... Nhưng đừng mang ra ngoài hay xé. Coi chừng tiếng hú báo động đấy.

*Nơi đây không có ngăn riêng dành cho nhà văn lớn hay nhà văn nhỏ. Không người nổi tiếng hay kẻ vô danh. Bên cạnh tập thơ của Tố Hữu là tập truyện của Nguyễn Mạnh Côn. Những tập sách mỏng của nhà xuất bản Quân Giải phóng nằm cạnh những tác phẩm của Cục Chính huấn Quân lực Việt Nam Cộng hòa. Sách của kẻ chiến thắng nằm bên sách của phe chiến bại. Bên cạnh một cuốn sách đóng bìa công phu, phụ bản nhiều màu, tranh bìa của họa sĩ tên tuổi vẽ, là một tập sách nghèo nàn, đơn sơ, đến tội nghiệp. Chỉ có kẻ đọc mới có quyền thẩm định và lựa chọn. Cho dù cuốn sách có mạ vàng, giấy loại hoa vân, bìa cứng hay cho dù tranh bìa được vẽ bởi một họa sĩ hàng đầu đi nữa, cũng không thể thu hút quyền rũ được hẳn.

Riêng tôi, tôi chọn Vũ Hữu Định.

Thứ nhất là anh thuộc thế hệ chúng tôi. Dù sinh thời, anh chưa có một tác phẩm nào xuất bản, nhưng không vì thế mà thơ anh lại không được nhiều người ưa thích. Riêng bài thơ "Còn một chút gì để nhớ" đã đi vào tâm trí chúng tôi không ít thì nhiều, thời ấy.

Nói đến Vũ Hữu Định là nói đến một người bạn giang hồ, và những cốc rượu bốc cháy. Có người trách anh bỏ bê gia đình, vợ con để theo tiếng gọi của những phần rượu tưng. Có lẽ những bài thơ về rượu này khá phổ biến, nhưng họ làm sao hiểu được nỗi lòng của Định và lý do tại sao anh lại phải xa người mẹ bệnh tật, xa vợ con, xa quê.

Từ ba năm làm lính biên trấn mà *Đồn cheo leo đón gió/Bốn mùa phen mây che/ Đát trời đây một cõi/Nhót đời chưa cho về* đến những tháng năm luân lạc, chấp nhận làm một người con bất hiếu, một người chồng một người cha không chu toàn trách nhiệm, để được sống, để được tiếp tục làm thơ, tiếp tục dâng hiến cho đời, cho người đọc những bài thơ đẹp, hay, để đôi lứa càng thương yêu nhau, để Pleiku càng đi vào trong tim của chúng ta, bằng tóc em mượt và mắt em ướt, để bọn trẻ chúng tôi thời ấy, cả tháng không thấy đàn bà, không thấy cả một tờ tạp chí, được an ủi rằng may mà có em đời

còn dễ thương... trong khi đêm ngày tai như muốn bục màng nhĩ vì trái pháo và tiếng trực thăng cùng những núi đồi vây hãm khó có thể thoát được ra ngoài.

Hãy hiểu nỗi lòng của Định. Hãy thương lấy Định qua những dòng tâm sự đành đoạn nào nùng khi anh viết về người vợ của anh:

*Lần nào em sinh nở
ta cũng phải vắng nhà
tháng này em sinh nở
ta lại trên đường xa
...cám ơn người vợ khổ
chiều nay ta khóc thầm
uống những giọt rượu đắng
ngày xa quê long đong*

Trách anh hay trách hoàn cảnh, thời thế ?

May mà có em đời còn dễ thương...

Vâng. Nếu cảm ơn thành phố ấy có em, thì cũng cần phải cảm ơn Vũ Hữu Định của chúng ta nữa.

*Để rồi từ đó, những chuyến đi đi về về thư viện Đại học Cornell, Library of Congress, dậm dài thăm thẳm, qua đồi, qua đèo trập trùng, để chúng tôi nói với lòng, chúng tôi đi tìm Vũ Hữu Định đây. Rồi những chồng tạp chí cũ mà người phụ trách mang đến cao ngất, cứ lật và cứ lật miệt mài. Nơi nào có cơi thơ anh trú ngụ? Tạp chí nào, số nào, để có thể mượn mà tìm ra dấu vết thơ anh? Trang giấy nào có tên Vũ Hữu Định dù chỉ một hai dòng, nhất là ở giữa xứ lạ quê người mà việc sưu tập di sản văn chương miền Nam chỉ biết trông cậy vào các thư viện Mỹ?

Nhưng chúng tôi tin hương hồn anh sẽ phù trợ việc làm của chúng tôi, hà hơi tiếp sức chúng tôi vượt tất cả những trở ngại khó khăn. Để rồi những lần lên đường vào bốn giờ sáng, khi đêm bùng bít cùng tuyết rơi mịt mù. Và những lần trở về, một mình trong đêm, giữa xa lộ đầy ánh đèn xuôi ngược, hay qua dốc đèo hiu quạnh, có khi lạc qua một thị trấn quờ quạng tìm lối ra, không phải *đi năm phút đã về chốn cũ* mà đi một phút đã về chốn cũ, mắt lão như không thấy đường nhưng lòng thì vui thật là vui. Bởi vì mỗi lần trở về là những bài thơ Vũ Hữu Định làm bạn đồng hành, nằm bên cạnh, để cho mình quên cả nhọc mệt, mà nhẩn mạn bàn đạp gia tốc...

Tập thơ này là một tập thơ được may mắn. Với tổng số 80 bài (tập thơ in trong nước chỉ có 45 bài), nó không phải bị nộp lưu chiểu hay phải qua giấy phép xuất bản nào để phải chịu cắt xén hay thay đổi cho phù hợp với chế độ đương đại. Sách dày 170 trang, gồm 2 phần. Phần đầu Dẫn nhập và phần hai là thơ sưu tập. Riêng lần xuất bản này, chúng tôi "chơi sang": Bìa sách được in bằng loại nhũ kim (gold metallic and golden foil), và giấy toàn là loại đặc biệt. Chỉ dành tặng nếu có yêu cầu. Không bán. Xin nhắc lại, dành để tặng khi có yêu cầu.

Để chứng tỏ cùng Định là đám bạn bè tuổi ngựa của anh dám chơi đẹp, chơi sang và chơi hết mình vì bạn!

Chúng tôi xin được để tập thơ này bên cạnh phần rượu tặng trong ngày giỗ thứ 25 của anh.

Vũ Hữu Định, tình ca lữ vận Đặng Tiên

Văn thơ miền Nam 1954-1975 được gọi là nền văn học bất hạnh. Vì nó đã bị xuyên tạc, tuyên án, thiêu hủy và bôi xóa; các tác giả đã bị tù đày, đọa đày và lưu đày. Trong số đó, có nhà thơ Vũ Hữu Định (1942-1981), từ 1972 đã xem mình như một người lữ vận:

*Ta đã hát khúc hát đời lữ vận
Hát âm u trong đêm tối một mình* (tr. 65)

Vũ Hữu Định tên thật là Lê Quang Trung, sinh tại Thừa Thiên, sống nhiều nơi ở Tây Nguyên, lập gia đình tại Đà Nẵng và định cư tại đây. Làm thơ từ thập niên 1960, đăng báo rải rác. Năm 1975, đi học tập cải tạo một thời gian ngắn vì là cán bộ Xây dựng Nông thôn, rồi làm công nhân Nhà Đền. Đầu năm 1981, tại làng An Hải, Đà Nẵng, anh qua đời vì say rượu té từ lầu một, cái chết còn gây nghi vấn. Sinh thời, anh không có tác phẩm xuất bản. Đến 1996 bạn bè mới đóng góp để nhà xuất bản Trẻ ấn hành thi tập *Còn một chút gì để nhớ* gồm 45 bài, lấy tên từ một bài thơ được Phạm Duy phổ nhạc và thịnh hành một thời:

*Phố núi cao phố núi đầy sương,
Phố núi cây xanh trời thấp thật buồn* (tr. 5)

*

Thơ Vũ Hữu Định quay chung quanh các chủ đề: quê nhà, tình bạn, tình yêu trong khát vọng một không gian rộng rãi. Trước khi đi vào các đề tài này, chúng ta nên biết qua thân thế tác giả, qua những bài thơ tâm sự, chủ yếu là „Bài thơ năm bốn mươi“, làm dịp Tết Tân Dậu, 1981, trước khi qua đời, thơ „kiểm điểm“ vô hình trung thành thơ tuyệt mệnh, như bài „Di chúc“ của Nguyễn Khuyến:

*Bốn mươi tuổi rồi đây
vợ năm con không no không đói*

...

*bốn mươi tuổi rồi
hai lăm năm uống đắng
(giỏi nghề rượu từ thuở mười lăm)
học hành thi lãng nhãng
thân tự lập thân từ năm bảy tuổi
không nhớ hết nghề đã trải
bán báo, đánh giày, ở đợ
đánh trống phòng trà, dạy học, làm thơ
phó giám đốc nuôi trẻ bơ vơ
còn cả chục nghề thôi không kể
ham đọc sách chẳng phải vì ham học
thần thánh trăm ông chẳng phục ông nào
ông nào cũng tốt
ông nào cũng tào lao
có lắm thánh nhân thì đời chỉ rối mù
nhiều triết học thêm tối mù đa sự*

...
bốn mươi năm khoảng dăm lần tù... (tr. 86)

Trong bài „Ngựa hí đầu non“, ta còn biết thêm:

*Sinh nhằm tuổi Ngọ, đêm vừa hết...
Mới hai tháng đã biết mùi bom đạn*

1942, thời chiến tranh Nhật-Đồng minh. Lên bảy tuổi:

*Đã theo mẹ đêm đêm qua xóm
xách đèn rao khoai sắn cầm hơi* (tr. 67)

Trong bài „Cảm ơn người vợ“, 1972, ta được biết anh cưới vợ khoảng 1965:

*Bảy năm tình chồng vợ
bảy năm em hăm hiu
lần nào em sinh nở
ta cũng phải vắng nhà
đưa đầu lòng tù tội
đưa thứ hai, đi xa* (tr. 129)

Chúng ta không biết rõ anh tù tội vì việc gì, làm gì đến nỗi dăm lần tù. Theo chứng từ của bạn bè, Vũ Hữu Định là người cởi mở, vui chuyện, ưa rượu, ưa bạn, đàn giỏi hát hay, nhẹ trách nhiệm gia đình, vợ con đương nhiên là phải khó khăn. Và anh cũng thừa nhận điều đó:

*Năm đưa con như năm hạt ngọc
Nếu không có em sao khỏi cát lằm
Còn anh thì cứ lông bông...* (tr. 88)

Tháng 3/1973, nhà thơ Tường Linh có bài „Gặp lại Vũ Hữu Định“, ghi nhận hoàn cảnh của anh:

*Thì ra người chữa hết gian nan
Thôi hãy cầm như lửa thử vàng...*

Chúng ta đã chầm phá được đôi nét chân dung Vũ Hữu Định. Chân dung ấy sẽ rõ nét hơn khi quần tụ bạn bè, trên chiếu rượu:

*Nợ nần chưa thoát nổi
càng nợ, càng hăng vay
thiếu cái danh, nhưng không thiếu bạn bè
đi đâu cũng có phần rượu tặng.* (tr. 85)

Trong mọi tình cảm, có lẽ tình bạn là mang nhiều âm sắc thời đại nhất. Đã xa rồi những „cổ nhân“ trong thơ Đường, thơ Tống. Xa rồi giọng u hoài, trầm mặc của Nguyễn Trãi:

*Bạn bè đất Việt ai thăm hỏi
nhờ nhắn: đời ta vẫn cỏ bồng*

Hay giọng bản khoả, xa xăm của Nguyễn Khuyến thăm hỏi bác Châu Cầu, *lạt lội năm nay bác ở đâu*, giọng nhẹ nhàng, thơ mộng của Huy Cận *thương bạn chiều hôm sâu gối tay*. Cũng đã xa rồi những „Tống biệt hành“, „Vọng nhân hành“ của Thâm Tâm. Tao loạn, thì đất nước đã trăm lần tao loạn. Nhưng chiến cuộc 1960-1975 mang một sắc thái đặc biệt, và tình bạn sinh tử thời này ngân vọng một âm hao riêng, trong chất bi phần nặng phần phi lý:

*Trên non may có tình bằng hữu
tuổi trẻ đau chung một khúc ca
ôm nhau thức với vầng trăng lạnh
vượt lá tìm sao định hướng nhà.*

*có những ngày đi trong núi thăm
tuổi trẻ nhìn nhau, nhớ xóm thương làng
thở chung một tiếng nghe sâu cháy
tâm sự chuyên nhau điều thuốc quan san*

*cám ơn điều đứng rừng sinh tử
cạm bẫy người giăng để giết người
tuổi trẻ gần nhau trong gió lửa
giữ dùm nhau những tiếng chim cười* (tr. 45)

Bài „Chuyện người tuổi trẻ“ này, Vũ Hữu Định làm tặng nhà thơ Trần Dạ Lữ, cùng một bài khác, mang rõ nét thời sự:

*Ngày Huế giải phóng
mây lang thang trong Nam
...
xa nhau càng nghĩ càng thương
thằng bạn thơ cuộc đời bầm dập
trón lính, đi lính, rồi thì học tập
thương ơi câu nói „ở rảnh cho vừa đời“
...
nghe nói mây về quê đi bán bánh mì
vợ giặt mướn cho nhà thương đê
rồi nghe nói mây đi Nam trở lại
quê không dụng nỗi đôi vợ chồng thơ
năm năm rồi mây sống xa quê
ôi cái làng quê Nam Phổ Hạ
thời chiến tranh mây quay quắt mong về* (tr. 42)

Hòa bình, thống nhất mà lại làm nhiều người xa quê – và xa nhau – hơn là chiến tranh, chia cắt. Bài thơ này làm khoảng 1980, bắt đầu bằng câu ca dao quen thuộc:

*Gió đưa cây cải về trời
Rau răm ở lại chịu lời đắng cay*

Ai hiểu sao thì hiểu.

Tình bạn, bao giờ cũng mang tính cách thời đại, xã hội. Tình yêu có không gian rộng

rãi hơn: tiếng sét ái tình có thể giáng xuống bất cứ lúc nào và nơi nào. Tình bạn có thuở, có thì, có nơi, có chốn. Yêu nhau rồi mới ngồi vào chiếu; ngồi vào chiếu rồi mới ra tình bạn. Bá Nha, Tử Kỳ cùng chiếu nhạc buổi Xuân Thu. Quản Trọng, Bảo Thúc cùng miếng đỉnh chung thời Chiến Quốc. Montaigne và La Boétie cùng phát áo giữa tòa án Bordeaux. Nguyễn Khuyến, Dương Khuê áo mao đồng khoa... Vũ Hữu Định, Trần Dzạ Lữ, Trần Hoài Thư, cùng nhiều bạn khác cùng gối đầu trên bảng sùng, tai nghe trực thăng, đại bác... Cơn binh lửa tạo ra và củng cố tình bạn. Cái quý là tình bạn còn lại sau cơn binh tàn, lửa tắt. Và quý hơn nữa, trong tình bạn ấy, sau khi chất lọc tiếng trực thăng đại bác nhiều nhưng, còn lại tiếng đập cùng nhịp của những trái tim. Ấy là tình người. Tình yêu là định mệnh cá nhân; tình bạn là cơ duyên thời đại. Cao quý thay lòng chung thủy giữa những tâm hồn tự nguyện, trong tình yêu cũng như tình bạn.

Vũ Hữu Định, người đã ra đi, tình còn ở lại.

*

Nói đến thời đại là nói đến quê hương. Vũ Hữu Định tha thiết với quê hương, dù anh sinh một nơi, sống một nơi và giữa hai nơi là những bước chân lang bạt kỳ hồ. Anh khẳng định:

*Mùa lúa năm nay đòng đòng đã trở
anh yêu mùa yêu đất yêu quê* (tr. 29)

Nhưng quê anh nơi nào?

*Những con lạch anh chèo ghe thăm lúa
thả lưới giăng câu, mười mấy năm ròng*

...

*Cau với bưởi bây giờ thơm hương trái
em bên vườn da thịt có thơm không?* (tr. 28)

Vũ Hữu Định là „kẻ chợ“, dân thành phố; ở đây anh thác lời „kẻ quê“, một nông dân *mười mấy năm cày sâu cuốc bẫm, nhà mới thay tranh mong đón em về...* Lời không thật nhưng tình thì thật.

Tình quê nơi Vũ Hữu Định, quện với tình bạn và tình yêu là một khát vọng hạnh phúc trong nguồn cội. Quê hương của Vũ Hữu Định không chính xác như trong những „bức tranh quê“ mà ta đã gặp, những đồng chiêm trũng miền Vụ Bản, Nam Định của Nguyễn Bính, hoặc thôn làng sơn cước Hà Tĩnh trong thơ Huy Cận, hay làng Trung Phước dưới chân núi Quảng Nam trong thơ Bùi Giáng, Tạ Ký, Tường Linh. Nơi Vũ Hữu Định, quê hương làm tâm cảnh tượng trưng cho một giấc mơ. Giấc mơ Trở Về của đứa con biết mình lạc hướng, vì cơn lốc của lịch sử đã đánh, nhưng cũng có phần cố tình lạc hướng. Phải hiểu như thế mới giải quyết được nhiều mâu thuẫn trong thơ anh.

Và hiểu rằng nỗi nhớ nhà thường xuyên ám ảnh anh, không giống với nỗi nhớ bất ngờ, bất chợt trong thơ Nguyễn Bắc Sơn đồng lúa:

*Qua cầu Sông Lũy nhìn quanh quát
Nước đổ cầu đen chợt nhớ nhà*

Tình quê, đề tài cho nhiều bài thơ, có thể là nền thơ Vũ Hữu Định:

*Mây còn bay nên đời còn mộng
tuổi trẻ ra đi sao lại nhớ nhà
ơi người tuổi trẻ sầu trong mắt
đêm trên rừng mộng gợi quê xa.*

*quê xa ta có em và mẹ,
nhớ ao bèo xanh bông tím thiết tha
nhớ người con gái bên hàng xóm
chiều thả thuyền vớt mộng nở hoa...* (tr. 44)

Cảnh mơ hồ nhưng tình tha thiết. Quê xa đây là mộng tưởng. Vũ Hữu Định không được hạnh phúc có một làng chính xác để ca ngợi như Huy Cận, Bùi Giáng. Nhưng anh chẳng quan tâm đến điều đó:

*nghĩ ra thì ở đâu cũng vậy
ta vẫn là ta khinh bạc đắng cay.
có lẽ ta là thằng bất sá
có sao ở đâu rồi cũng bằng lòng
thả trôi cái sống cho đời dạt
mẹ buồn ta tóc trắng lưng cong* (tr. 76)

Quê hương, nơi Vũ Hữu Định là niềm u hoài khôn nguôi, hướng về cõi hạnh phúc đã mất hay chưa đến, trong nghĩa „quê hương và lưu đày“ trong Kinh Thánh, hay Albert Camus.

U hoài bốc men cho những vầng bay bướm:

*Hoa dại ven đường gửi lại các em
Tiếng giã gạo gửi cho người mất ngủ
Trăng mười bốn gửi tâm hồn thiếu nữ
Trăng mười lăm gửi những kẻ yêu nhau*

Tình sôi nổi, thiết tha nhất trong đời người có lẽ là tình yêu. Thơ tình yêu là lối thơ dễ làm và khó hay nhất. Một là vì đề tài lâu đời trở thành khuôn sáo, hai là người làm thơ tình khi thành thật thì chủ quan, đặc ý, tự nghĩ thơ mình là hay, hóa ra dễ dãi, trong khi người đọc bên ngoài, cho rằng lắm cẩm. Thơ tình ngày nay, muốn thành công, phải giàu lượng trí tuệ và chất nghệ thuật; nhưng thơ hoa mỹ lại mất nét thành thực đơn sơ. Mà tình yêu chính là cảm xúc đơn sơ.

Thơ tình Vũ Hữu Định gây cảm xúc vì chỗ tha thiết mà tự nhiên ấy:

*Anh đang sống thiếu một phần thân thể
sống thiếu em nên anh thờ không đều
thèm ngực trần, môi ngọt với tay yêu
đã trói chặt hồn trăm năm lãng tử
...
đã quen đau nên thấy được mặn mà
của tội lỗi mà anh kêu hạnh phúc*

*ôi vết chém đã qua thời đau nhức
đâm da non để thành sẹo muôn đời
anh thở đều để sống em ơi (tr. 31)*

Hơi thở rạo rức đã phủ vào bài „Tiếng dội của sương chiều“, 5 chữ nhẹ nhàng nhưng da diết, trong sáng mà hàm súc - một bài lý tưởng để phổ nhạc (câu này viết nhắn gửi Phạm Duy):

*Anh nằm đâu, ngồi đây
ngó nước nguồn reo vỗ
nước nguồn chảy bao năm
đá núi mòn dấu nhớ
anh nằm đây, ngồi đây
một mình anh vẫn thờ
mười năm trong trắc trở
anh thờ khác ngày xưa
nghe dội tiếng rừng mưa
nghe vang lời suối nhớ*

...

*anh nằm nghe lay động
đau của những nhánh cành
anh ngồi trong lá xanh
trên những hòn lá chết
tay anh nắm tha thiết
những chiếc lá còn tươi
thả xuống suối mà chơi
trôi đi còn tiếng dội... (tr. 33)*

Nguồn thơ róc rách tuôn tuôn tự nhiên, u uẩn trong veo, thấm tươi đau đáu, trầm lặng ngân vang. Một bài thơ tình hiện đại, rõ nét nếu ta so sánh với „Tình quê“ đồng dạng của Hàn Mặc Tử, nửa thế kỷ trước. Đâu đó, trong *Thân phận làm Người*, André Malraux đã định nghĩa tình yêu là „cái phần mình thay đổi ở người kia“, nghe sâu sắc, nhưng trừu tượng. Vũ Hữu Định nói *anh thờ khác ngày xưa* có cường điệu nhưng cụ thể, và xúc động. Thể ngũ ngôn ngắn hơi, ít để lại tác phẩm hay. Bài „Tiếng dội của sương chiều“ là một tác phẩm toàn bích.

Cùng một hơi thở - hơi thơ ấy còn có bài „Rừng hương mật“ đắm đuối. Cảm hứng tuôn tràn một mạch, ào ạt, sung mãn mà âm trầm, tao nhã. Thao thao tình cảm, thao thiết ưu tư:

*Anh đang sống - đang thở đều rất lạ
Thở yêu em yêu đau đớn của đời
Anh cảm được phút của mùa đang đổi
Giây của sông dừng lại đợi chiều trôi
Ở đâu đó rừng của Thu âm đạm
Uống chút hương hoa của suối mà say
Mây của nghìn năm mây vẫn là mây
Nhưng một buổi lạ như vừa mới có*

...

*Một ngày nào mặt trời kia rét lạnh
Máu đỏ trùng dương một lần chết cuối cùng*

*Giấc lạnh vang lời gió nhẩn với rừng
Anh hối hả trở về mau cho kịp* (tr. 82)

Nhịp thơ dập dồn, hình ảnh điệp điệp, ý tứ trùng trùng, tuôn tuôn từ một *hồn ú chứa bao nhiêu tình rừng thẳm*. Do đó mà thơ tình Vũ Hữu Định ngày nay còn gây hào hứng.

Thơ tình, chứ không huê tình kiểu „áo nàng vàng anh về yêu hoa cúc“. Thơ tình xưa nay thường khệ nệ đèo thêm phần thuyết lý, dạy đời: thơ Pháp từ Ronsard đến Aragon, thơ Việt từ Nguyễn Trãi „*đâm ám thì thương kẻ lạnh lòng*“ đến Xuân Diệu „*vội vàng lên với chú*“. Thơ Vũ Hữu Định mang sắc phôi phôi, hồn nhiên, đón đầu mà vẫn tin đời - có lẽ do niềm tin ở trời đất, mà anh diễn đạt rất mãnh liệt trong bài tứ tuyệt:

*Sương quá, nâng ly, khà một tiếng
Mừng rằng sắc núi vẫn màu xanh
Đám mây bay thấp ngang nhà cô
Hương rượu nồng hơn mọi thứ tình* (tr. 6)

Tâm giới hào sảng trước sắc giới ưu ái như trong đoạn thơ trên, được định hình trong một thi giới bao la, biển rộng trời cao. Thơ Vũ Hữu Định ít có giới hạn chật hẹp, nếu Pleiku *phổ xá không xa* thì cũng được nắn rộng bằng *sương mù, cây xanh, núi cao* - và nhất là *có em!*

Nơi Vũ Hữu Định tình yêu, tình bạn, tình quê, quyện vào niềm nhớ đất thương trời mênh mang mênh mang mênh mang.

Hình ảnh tạo tính nhất quán cho tập thơ, xuyên suốt, tiếp dẫn các bài thơ, tự rừng núi đến thôn quê, ao bèo, thửa ruộng, lũy tre, mái nhà, là con chim.

Một mặt chim là tri âm, chia sẻ tâm sự và ước mơ:

*Có lẽ con chim rừng bữa nọ
Hát với anh là chia sẻ ngọn nguồn* (tr. 74)

Chim là một ẩn dụ đa hiệu. Hình ảnh thị giác, nó là không gian gần mà xa, cảm nhận thính giác, tiếng chim là thời gian dội vào tim, có khi hện hò hoan lạc thủy chung:

*Con chim bỏ đi có bận quay về
Cất tiếng hát chào niềm vui của gió* (tr. 108)

Có khi nhắc thân phận hiện thực chơ vơ:

*Con chim lạ lòng năm nọ của tôi ơi
Hóa mấy kiếp mà sao tôi vẫn vậy* (tr. 110)

Thơ Vũ Hữu Định là điển hình cho thơ trữ tình hiện đại. Nó không gai góc, thách thức; ngược lại, nó kết thân, đầm thắm, quen thuộc. Lay động người đọc bằng tình cảm trong sáng và thiết tha, bằng nét tài hoa vô tội.

Đây là đoạn cuối trong bài thơ „Kiểm điểm“, Vũ Hữu Định làm 1981, trước khi vĩnh biệt trần gian:

*Ta đang nhớ thuở sông dài núi rộng
đường thênh thang của một gã giang hồ
ta đang thèm đi để học làm thơ
chờ ta đến xin nhớ phần rượu tặng* (tr. 89)

Câu thơ tuyệt mệnh thu gọn không gian, cuộc đời, tâm tình, hoài bão văn chương và những khát vọng chưa nguôi của Vũ Hữu Định.

Trên chiếu rượu vui ít buồn nhiều hôm nay, bạn bè, trong và ngoài nước, luôn luôn giữ *phần rượu tặng*, cho Định.

Súng đã nổ trong buổi chiều im lặng

LTS: Từ trước tới nay, chúng ta chỉ biết Vũ Hữu Định qua thơ. Nhưng khi đi tìm kiếm những bài thơ của Vũ Hữu Định trong những chồng báo cũ ở thư viện Cornell (Nửa Ước) trong tháng 3- 2006 vừa qua, chúng tôi đã bắt gặp bài văn của anh, đi trong Ý Thức cũ, số tháng 9 năm 1971 dưới nhan đề: "*Súng Đã Nổ Trong Buổi Chiều Im Lặng*". Chúng tôi in lại bài viết này không ngoài mục đích là chia sẻ với quý bạn cũng như với những nhà nghiên cứu văn học tất cả những tài liệu hay sáng tác của Vũ Hữu Định mà chúng tôi ra công tìm được như là một góp phần nhỏ vào công việc hồi phục một nền di sản văn học nghệ thuật rất nhân bản của Miền Nam sau cơn thất tán. Việc phê phán hay thẩm định bất cứ một sáng tác nào nằm trong di sản văn học mà chúng tôi sưu tập, xin được để dành cho người đọc với tác giả và tác phẩm.

Sau bài văn hiếm hoi này là một số bài thơ do chúng tôi chọn tyrong tập "*thơ Vũ Hữu Định*" mà bài đầu tiên là Biên Trấn Ca, theo đó nhà thơ cho biết anh đã có ba năm đóng đồn biên giới: Đồn cheo leo đón gió / Bốn mùa phen mây che / Đất trời đây một cõi / Nhốt đời chưa cho về.

Đối với bất cứ một người lính núi nào đóng đồn biên giới ở vào thời điểm này, một ngày thì cũng quá dài, nhưng ở đây là ba năm. Vũ Hữu Định sống sót được quả là một sự nhiệm mầu...

Buổi chiều lòng trống trải, buồn từ những ngày tháng trước đeo đuổi hoài. Nản lấm, nhưng cũng đi một vòng quanh thành phố, đi qua con đường có cây và lá xanh, lá xanh làm mát lòng đưa chân ta tới thăm nhà hai anh bạn. Họ sĩ NHUẬN và C. SƠN.

Trong vườn dứa xanh ngát mênh mông, lối theo là một vườn ổi bay mùi chín tới. Ngôi nhà nhỏ lát từng mảnh xi măng dễ thương như một nhân tình bé. Nhà luôn luôn để ngõ như lòng hiếu khách của chủ nhân đã đi vắng và ngồi trong âm u mát rượi tuyệt vời một chiều yên tĩnh. Qua cửa sổ, con sông nước đục hiền hoà đang dâng lên, ta thơ thẩn bước đi trong khu vườn xanh, đứng lại nhìn những người đàn ông cất rở. Buổi chiều thanh bình hiếm có...



Ra về, ta đã vòng quanh trong xóm. Hết con đường cụt là chiếc hồ khá rộng, nếu qua bên kia hồ ta sẽ đứng ngay hàng rào kẽm gai của trại nhập ngũ. Ta rùng mình nhớ nơi ta đã hai lần ở đó. Trại nhập ngũ, nơi không muốn nhớ nhưng hẳn chẳng bao giờ quên. Nơi đó ta được dạy bài học con người bắt chước lối đi của loài vật, bò bằng hai cùi chỏ và đầu gối trên đoạn đường dài lổm chổm đá sạn và sức nóng mặt trời buổi trưa, một Hạ sĩ quan kỹ luật gương mặt đanh lại tay cầm cái roi canh ngạo nghễ, anh ta nhìn một đám tân binh bò lổm ngổm kẻ trước người sau... bài học đầu đời lính tráng thật đáng nhớ.

Nơi đó, ta bị tước đoạt cá tính. Ăn, ỉa và ngủ không như ta muốn. Mỗi một buổi sáng ta được sắp hàng gọi tên để kiểm soát như một đồ vật, trước lúc đi nằm, ta được sắp hàng ngồi chồm hổm để nghe những bài học phải nhớ đời.

Nơi đó, trò chơi ú tìm được xếp hạng: Khu A, khu B và khu C. Ta đã sống những ngày gian khổ ở khu B với bạn bè, có phải chẳng đời sống bi thảm đến vậy? Làm sao quên được Trần Văn Bụi- Đời, Năm Gà Diên và Nguyễn Văn Bốn Hai, những cái tên nhắc nhớ những cuộc sống ngoại hạng và bi đát.

Nguyễn Văn Bốn Hai là tên đồng bạn đặt cho một nông dân chơn chất, cái chơn chất đã đưa anh tới trong vòng kẽm gai có trăm ngàn đảng cay. Anh nông dân Nguyễn Văn Hai. Bốn mươi hai tuổi, đời sống lam lũ và vóc dáng nhỏ con đã làm anh đẹt, lớn không nổi vì quá cực khổ. Một buổi chiều từ khu tự nạn Hòa Khánh về Đà Nẵng tìm việc làm, khi qua ngang trạm kiểm soát Quân cảnh đã chặn anh lại với cả trăm câu hỏi hóc búa. Một câu hỏi định mệnh đã đưa anh tới với chúng tôi:

- Anh sinh năm mấy?

- Dạ, thưa tôi bốn hai.

Anh không có một giấy tờ nào có thể chứng minh mình lớn tuổi, tất cả người bên kia đã tịch thu. Nguyễn Văn Bốn Hai đã khóc. Anh vẫn hy vọng chính phủ sẽ thả anh, anh còn một đàn con sáu đứa "*mẹ nó bị Mỹ hành quân giết rồi*". Nhìn một người đàn ông méo miệng khóc, không biết lúc đó ta đã nhếch mép để cười hay để cùng méo trong cảnh huống đau lòng.

Năm Gà Diên và Trần Văn Bụi Đời là danh xưng của một mẫu người đặc biệt, cả hai đứa đều có một thành tích đáng ngại về tù tội vì năm bảy sắc lính mỗi đứa lại có một tên mới, tên cha mẹ đặt không còn nhớ tới làm chi, đi lính hay bị đi lính để nói cười vui vẻ. Ở khu B, hai đứa hẳn là hung thần của những người cô thế, tiền bạc nằm ngủ đêm còn, sáng ra mắt sạch thừa kiện ai. Chúng phè phỡn sống và tin chắc không bao giờ có thể chết vì chiến trận, tình nguyện hay bị bắt vào lính thì cũng đào ngũ ngay tháng lương đầu, lại thông dong sống ngoài vòng cương tỏa và nếu bị tóm lại khai một cái tên nào đó với năm sinh tháng đẻ sao cũng xong. Người ta cần người cầm súng miễn sao còn đủ hai tay hai chân.

Trại nhập ngũ nơi ta đã biết sống thù hận, biết chen chân dành miếng ăn, biết thế nào là những "*người lính chuyên nghiệp*" không thể quên những gương mặt có mùi tanh.

Những ý nghĩ mà cả hai lần ở trại nhập ngũ ta đều có ý thực hiện không được. Đứng thờ thần như một kẻ nhớ nhà cạnh hàng rào kẽm gai kiểm một đôi giày mang vào chân, nhanh như khí và liềm mình bay qua hàng rào kẽm gai, chạy lủi vào đám cỏ cao, bơi qua bên kia hồ là thoát.

Buổi chiều nay ta đã thấy một con người thực hiện ý định của ta ngày nào. Súng đã nổ dồn dập, những tiếng la rợn người, những đôi mắt trong hàng rào kẽm gai đang nhìn

con chim cùng bầy vừa vượt lồng. Con người đó đang bơi qua hồ tử sinh, bơi với hình ảnh vợ con bụng mang dạ chửa, bơi với hình ảnh mẹ già mù lòa, bơi với một triệu lý do đau đớn. Vòng vây như một cái rờ từ từ cất lên, bên này hồ đã có một đám người thường phục đợi chờ. Anh ta đã bơi tới bờ, có những bàn tay kéo anh ta lên, không phải những bàn tay che chở đâu. Máu chảy ròng rã trên hai tay rách xước kềm gai, máu chảy chan hòa trên gương mặt thất thần đang hứng chịu cả trăm cú đâm và báng súng. Một con vật đã bị hạ. "Một con vật hai chân" bò lê lét, con vật van lạy ê ẩm ngất ngư, "con vật hai chân" đã gục xuống, màu áo trắng trở thành màu đỏ thẫm, hận thù chưa hết, vẫn còn những cái đá trời giáng, những câu chửi thề nghe lạnh người. Một buổi chiều im vắng đã có tiếng súng nổ xé gió, một buổi chiều có bao nhiêu người khoanh tay thúc thủ nhìn một màn kịch hấp dẫn vô cùng. Màn kịch có máu, nước mắt, tiếng thét và tiếng súng. Đám đông đã lôi "con vật hai chân" về chuồng mà hấn vừa vượt thoát.

Ta trở về nhà nghe gió lạnh chạy trên xương sống, muốn đi mưa như vừa trúng gió độc.

Ý Thức ngày 1-9-1971

Vũ Hữu Định Nguyễn Đình Toàn

Rất nhiều người yêu bài thơ *Còn Một Chút Gì Để Nhớ* của Vũ Hữu Định, vì được nghe qua nhạc Phạm Duy. Nghe rồi mới đọc.

Nhiều khi cũng không phải là đọc nữa. Người ta nghe và thuộc lời ca của bản nhạc, từ đó nhớ lại rồi khám phá ra cái hay của bài thơ, cái hay của từng chữ trong bài thơ.

Trước khi có bài thơ của Vũ Hữu Định, không biết có bao nhiêu người đã ước ao được đến Pleiku. Nhưng sau khi bài thơ được phổ nhạc và hát lên, số người muốn được đặt chân, được nhìn thấy tận mắt cái phố núi ấy, không thua gì số người muốn nhìn thấy Thôn Vỹ Dạ vì đọc thơ Hàn Mặc Tử.

Có lẽ người nào đó đã nói đúng khi cho rằng, một thành phố dù đẹp đến đâu, nếu chưa được đưa vào văn thơ, âm nhạc, hội họa... cũng kể như nó chưa có linh hồn vậy. Và một tác phẩm hiện hữu hay tồn tại được hình như cũng có những cơ duyên của nó. Phạm Duy cho biết, ông gặp Vũ Hữu Định ở Pleiku trong một chuyến đi tìm cảm hứng cho cuộc sống của riêng ông và nhất là tìm hiểu tâm trạng những nhà thơ trẻ, đại đa số khi ấy đang đi lính hay đang trốn lính.

Phạm Duy cho biết ông đã chọn và phổ nhạc bài thơ của Vũ Hữu Định không thêm bớt một chữ nào. Ông cũng giữ nguyên vẹn cấu trúc [structure] cũng như vận tiết [prosodie] của bài thơ. Ông chỉ dùng một thanh âm có bán cung của dân ca Jarai hay Bahmar để gọi cái không khí cao nguyên và một chuyển giọng [tonalité] ở đoạn cuối để cho bài ca có thêm màu sắc.

Ca khúc *Còn Một Chút Gì Để Nhớ* thành công thế nào mọi người đã biết. Có thể nói, không một ca sĩ tên tuổi nào của chúng ta khi ấy lại không có lần trình bày bài hát này. Và, nghe rồi, người ta hẳn cũng có lúc tự hỏi, nếu không có nhạc của Phạm Duy, liệu bài thơ có thể phổ biến mau chóng và rộng rãi như vậy chăng?

Câu hỏi ấy, dù có bao nhiêu câu trả lời cũng không ích gì.

Ta có một bài thơ hay rồi lại có một bài hát hay, đó chưa đủ là một điều thích thú sao?
Thắc mắc nữa mà chi ?

Đọc bạn bè và những người quen biết kể lại cách sống, những cuộc gặp gỡ của họ với Vũ Hữu Định, người ta luôn cảm thấy một nỗi vui buồn lẫn lộn, một cái gì đó hình như quá đầ, làm rộn người.

Chỉ sau này, trong một bữa nhậu trên sân trời một căn gác với bạn bè, Vũ Hữu Định cầm ly rượu của mình, không biết say tới cỡ nào, bước ra khỏi hàng lan can của cái sân trời, rớt xuống đất và chết tại chỗ, người ta mới biết, hình như cái chết kinh khủng của Vũ Hữu Định đã được báo trước?

Đình Trầm Ca hiện còn ở trong nước, đã viết về Vũ Hữu Định [trên báo Khởi Hành số 96, tháng 10, 2004] như sau :

“ Tôi chưa được lần nào diện kiến chị Vân, vợ anh. Nhưng qua Đoàn Huy Giao kể, tôi rất kính trọng chị ấy. Tôi cảm nhận chị ngang hàng với bà Tú Xương. Sinh tiền Vũ Hữu Định chẳng làm được gì cho gia đình. Anh như một cuồng sĩ lang thang, phiêu bạt. Nghe nói chị vất vả lắm để nuôi mẹ anh, một bà mẹ đã ‘lấn’ và tật bệnh cùng một đàn con. Ngày xưa tôi không ưa anh lắm vì những điều này. Tôi vốn khắc nghiệt. Tôi không thích những người vô trách nhiệm, thiếu bổn phận... Hai mươi năm nay, tôi lại giống anh lúc trước, tôi mới hiểu được và thương anh hơn! Khi tôi hiểu được thì không còn Định, để mời một chén rượu cảm thông. Tôi không còn nghĩ anh là người ham danh, hay nhẹ nhàng hơn, có chút ưu ái hơn, như các bạn tôi rằng, anh là người say đắm thơ rượu. Tôi biết rằng những tháng năm đen tối, đời anh không nhờ thơ, rượu thì con người anh sẽ ra sao? Và cuối cùng thơ và rượu đã cứu rỗi anh.

*Cũng có khi nào anh trở lại
Mai đây, một nọ biết đâu chừng
Và có một lời anh sẽ nói
Giữ gìn nhau một chút hồn chung
Tới đây thấy lúa vàng đang chín
Đứng lại nhìn thôn xa khói bay
Không biết nhà ai đâu nấu rượu
Thoang thoang hương mùa đã muốn say*

Anh đã mất 17 năm tròn. Nhưng anh cũng vừa trở lại với chúng ta bằng tập thơ ‘Còn Chút Gì Để Nhớ’. Trong thơ anh, tôi đã nhìn thấy rõ anh hơn những ngày tháng giang hồ lang bạt. Tôi thấy anh quần quai khổ đau. Tôi thấy cả tấm lòng anh đầy ấp yêu thương gia đình, vợ con. Thơ anh nhân ái, cao cả mà hồn anh thì ray rứt, ngậm ngùi”. Nhân ngày giỗ đầu Vũ Hữu Định, A Khuê đã có một bài thơ khóc bạn và Trần Quang Lộc một người bạn khác của Vũ Hữu Định, đã phổ nhạc thành ca khúc Mộ Trắng.

*Đêm không trăng mở ngực chơi
Giữa tuyết cùng
Sương hoa đỏ
Linh hồn linh hồn ơi
Một bước chân vu
Đi ngất ngất đi lặng lẽ trong đêm dài
Đêm không trăng
Của phố núi cao
Em Pleiku má đỏ môi hồng*

*Có thật đã ngủ yên
Trên ngọn núi cao kia
Trong bóng tối ôi lạnh quá đôi chân trần*

Độc giả, thính giả, được đọc, được nghe một bài thơ, một bài hát hay, thường thắc mắc tự hỏi, không biết những sáng tác khác của các tác giả ấy ra sao? Đó cũng là điều người ta muốn biết về Vũ Hữu Định.

Trước 75 Vũ Hữu Định có nhiều thơ đăng trên báo chí ở Sài Gòn, nhưng chưa có một tập thơ nào được in thành sách.

Và cũng có thể nói rằng, ngoài bài thơ Còn Một Chút Gì Để Nhớ, không thấy một bài thơ nào khác của Vũ Hữu Định được độc giả nhắc nhở, truyền tụng.

Dù thế nào, chỉ căn cứ vào những bài thơ đăng báo để nói về thơ của một người, không thể tránh được thiếu sót.

Nhất là trường hợp Vũ Hữu Định.

Vũ Hữu Định **Võ Phiến**

Độc thơ hiếm khi thấy cái chết sát gần như trong thơ ta thời 54-75. Ở Nguyễn Bắc Sơn, Tô Thùy Yên, Hà Thúc Sinh..., giữa cái chết và câu thơ đang viết không có được một khoảng cách... phải chăng: hoặc năm tới, hoặc tháng sau, hoặc tuần tới v.v... Không được thế đâu. Tệ hơn nhiều. Chỉ là: sáng mai, đêm nay, lát nữa!

Đêm nay, lát nữa, có thể là cái chết; và là cái chết tàn bạo, thảm khốc. Lắm khi là không toàn thân, là tan xác.

Chưa bao giờ thi sĩ gần cái chết đến thế. Và sát kề cái chết, người thi sĩ lại có giọng cười cợt, đùa giỡn. Nhẹ nhõm lạ.

Tuy vậy nhẹ nhõm chỉ có thể là cái chết của chính họ. Còn của ai khác, của những người thân - cha mẹ, bạn bè - cái chết vẫn làm trĩu nặng câu thơ.

Vũ Hữu Định phiêu bạt lâu ngày, một hôm, một buổi chiều mùa đông mưa gió, trên đường về, bỗng dừng chân đổi ý:

*"Thôi chẳng về chi thôn xóm quạnh
nhà xưa giờ chắc cũng điêu tàn*

...

*mẹ, chị, đàn em không có mộ
thăm ai? thăm ai? ta về quê."*

(Chẳng hay)

Trong thơ Tường Linh cũng một chiều đông về thăm làng. Và chuyển về cũng bất thành:

*Bến sông chiều Vĩnh Điện hắt hiu mưa
Muốn đi lên nhưng sủng vọng đôi bờ
Nguồn với biển trở thành xa cách quá."*

(Vọng tình chim)

Dừng chân bên này sông Vĩnh Điện, "lòng gọi mãi tên làng xưa Trung Phước".

Làng của Vũ Hữu Định là làng nào? Có phải cũng là cái làng Trung Phước danh tiếng của Tường Linh, Tạ Ký, Bùi Giáng ấy chẳng? Chỉ biết làng của Vũ cũng là một chỗ ngặt nghèo, một chốn hiểm địa: cả mẹ, cả chị, cả một đàn em của thi sĩ đều chết mà không có mồ chôn.

Những thi sĩ xứ Quảng mất làng ấy, họ thân nhau, thương nhau. Tường Linh có bài "Gặp lại Vũ Hữu Định". Những gặp gỡ như thế, thôi thì rượu chè say khướt, thì kỷ niệm, thì người xưa, làng cũ, bạn bè thân quyến, thì trắng đêm tâm sự. Vũ Hữu Định lại có bài "Áp ủ đưa theo những chuyến đi dài", viết "gửi anh Tường Linh".

(Vọng tình chim)

Vũ kể với anh Tường Linh về sự áp ủ cái gì nhỉ? Áp ủ một hình ảnh thiếu nữ nào chẳng? Không đâu:

"Hồn của quê hương không gửi được cho ai
Áp ủ đưa theo những chuyến đi dài
Trong gian khổ tôi biết lòng sẽ ấm."

Chữ "quê hương" ở đây không chỉ cả nước Việt Nam đâu: Vũ và anh Tường Linh cùng đang sống ngay trong nước mà. Vậy cái "quê hương" ấy chính thị là ngôi làng họ ở Quảng Nam thôi.

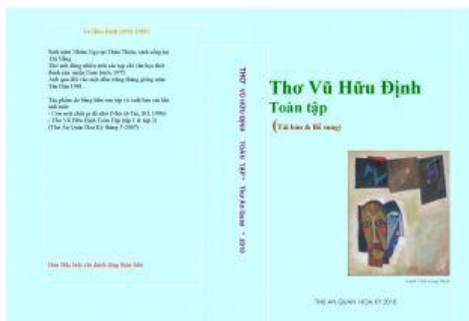
Và đây là một khía cạnh tình cảm đặc biệt trong cuộc chiến vừa qua ở Miền Nam. Tức cái đau buồn ngất ngư của những kẻ xa làng, hướng về làng mạc thôn xóm, về những thân thuộc cách biệt và cả những thân thuộc không mồ ở trong làng xưa. Những trai xứ Quảng vẫn nổi tiếng hào hùng. Nhưng trong truyện xưa từng có bậc danh tướng mình đồng da sắt, gươm giáo không sờn, toàn thân tuy vậy có một chỗ nhược, kẻ địch lừa được mũi nhọn vào đó là sụm thôi. Nhớ làng là chỗ nhược của mấy người bạn Quảng của chúng ta.

Vũ Hữu Định gọi "anh" Tường Linh, Tường Linh kêu Vũ là "ngươi". Tâm hồn họ gần nhau như anh em. Thơ họ cũng ngà ngà hơi rượu tiền chiến. Nhưng "ngươi" Vũ Hữu Định có vẻ bừa bãi, cầu thả hơn người anh Tường Linh. Sống cầu thả hơn và viết cầu thả hơn.

Trong cái sống, Tường Linh giữ quân kỷ, sinh hoạt mực thước. Vũ Hữu Định say sưa, sống bất thường và chết bất thường. Tôi nghe nói một hôm ở nhà bạn, ông say ngất ngưỡng, đang ngồi trên bệ cửa sổ té từ một tầng lầu xuống đường, chết.

Trong cái viết, Tường Linh nghiêm chỉnh hơn, thường nương tựa vào các lời, các chữ, các hình ảnh khuôn sáo, thường có những kẻ mài gươm, những chàng áo lục v.v... Vũ Hữu Định không mấy khi vướng vào khuôn sáo. Câu thơ ông lắm lúc xốc xếch hơn, và hay hơn.

1 - 1995 - Nguồn: Văn Học Miền Nam, Thơ - Nxb Văn Nghệ, 1999



Phụ đính:

Thơ Vũ Hữu Định

Còn một chút gì để nhớ

phố núi cao phố núi đầy sương
phố núi cây xanh trời thấp thật buồn
anh khách lạ đi lên đi xuống
may mà có em đời còn dễ thương

phố núi cao phố núi trời gần
phố xá không xa nên phố tình thân
đi dăm phút đã về chốn cũ
một buổi chiều nào lòng bỗng băng khuâng

em Pleiku má đỏ môi hồng
ở đây buổi chiều quanh năm mùa đông
nên mắt em ướt và tóc em ướt
da em mềm như mây chiều trong

xin cảm ơn thành phố có em
xin cảm ơn một mái tóc mềm
mai xa lác trên đôn biên giới
còn một chút gì để nhớ để quên.

Rừng hương mật

Tặng Diệp Mậu

Anh đang sống, đang cảm nhiều chuyện lạ
Những chuyện trăm năm mà tưởng như vừa
Một ngọn gió của đời đã thổi
Bay hồn anh trong bóng nắng hồn mưa
Một chút gió trên rừng hay dưới biển
Tới từ đâu sao lại báo tin mưa
Hôm qua ngó vàng trăng cuối tháng
Mọc giữa chiều xanh của buổi giao mùa
Anh cảm động nhớ một thời si dại
Yêu là yêu em bằng tấm lòng xưa
Anh đang sống - đang thở đều rất lạ
Thở yêu em yêu đau đớn của đời
Anh cảm được phút của mùa đang đổi
Giây của sông dừng lại đợi chiều trôi
Ở đâu đó rừng của Thu ẩm đậm
Uống chút hương hoa của suối mà say
Mây của nghìn năm mây vẫn là mây

Nhưng một buổi lạ như vừa mới có
Gió là gió mà sao anh ớn lạnh
Men ở đâu mà anh đã ngất ngây
Ngày anh về, hôm anh cất chân đi
Nghe được tiếng của con đường anh bước
Em có xa như một đời kiếp trước
Anh thấy gần nên cảm được trầm hương
Anh ở trên rừng cũng sống trọn nguồn thương
Ra giữa biển tình cũng như biển mặn
Một ngày nằm nghe đất trời cay đắng
Sấm vang lên, mưa giận dữ trên rừng
Nước của nguồn đi mạnh bạo cuồn hung
Tiếng bi thiết trong mạch nguồn nước nở
Anh đang sống – anh đang nghe anh thở
Cảm được tình của cả đất trời
Lúc bắt đầu anh chỉ có em thôi
Nay có hết núi mây rừng với biển
Nhưng đồng nội mấp mô màu trác tuyệt
Một hôm nao cảnh cũ lạ vô cùng
Của đất trời là Xuân Hạ Thu Đông
Anh có cả em nên giàu cảm lụy
Anh đang sống và anh đang thấy
Nước trên sông khi chảy khi dừng
Lúa trên đồng kể chuyện với sao sương
Nhưng đá tảng nghìn năm nay nói chuyện
Nhưng con đường anh đi và anh đến
Bờ Trùng Dương bên hẹn với Bình Nguyên
Nhưng nẻo rừng trạm gió sơn xuyên
Thân ái với màu rêu trên vách cổ
Nhưng củi mục của rừng thân rất nhỏ
Kể với anh về thay đổi của đời
Một chiều vàng bên suối mộng rong chơi
Anh soi thấy anh hình dung đã lạ
Mắt rục rờ ngó chiều bay tới tả
Vượn hú sương chim kêu bạn nào nùng
Suối cạn mòn, nước đã ra sông
Ở nơi đó anh lạc hình mất ảnh
Một ngày nào mặt trời kia rét lạnh
Máu đỏ trùng dương một lần chết cuối cùng
Giấc lạnh vang lời gió nhấc với rừng
Anh hỏi hả trở về mau cho kịp

Anh đang sống một ngày tha thiết
Nghe âm vang đồng nội rừng già
Mỗi bước đi về nghe thật thiết tha
Hồn ứ chứa bao nhiêu tình rừng thẳm
Mỗi bước chân anh đất trời lắng lặng
Mắt sáng như sao tiếng nói như đồng
Anh bước về để thấy một hừng đông
Có mặt Nguyệt thay mặt Trời hiển hiện

17-10-73

Tiếng dội của sương chiều

lạnh trong rừng thu xanh
anh vô nằm trong cỏ
nơi những ngày xưa kia
em đã ngồi ở đó
anh nằm đây, ngồi đây
nghe rừng thu nhắc nhở
tiếng dội của sương chiều
làm xanh đau sắc cỏ

lạnh trong rừng thu xanh
em là con chim nhỏ
đậu trên nhành hoa leo
hát mấy lời ngẩn ngơ
anh nằm đây, ngồi đây
ngó nước nguồn reo vỡ
nước nguồn chảy bao năm
đá núi mòn dấu nhớ
anh nằm đây, ngồi đây
một mình anh vẫn thờ
mười năm trong trắc trở
anh thờ khác ngày xưa
nghe dội tiếng rừng mưa
nghe vang lời suối nhớ
anh như còn nặng nợ
với cây cỏ rừng già
anh vẫn còn thiết tha
nơi em nằm buổi nọ
lạnh trong rừng thu vang
lá thu vàng cũng rụng
anh nằm nghe lay động
đau của những nhánh cành
anh ngồi trong lá xanh
trên những hồn lá chết
tay anh cầm tha thiết
những chiếc lá còn tươi
thả xuống suối mà chơi
trôi đi còn tiếng dội
anh nằm đây, ngồi đây
mưa của rừng đã tới
những hạt rơi nhức nhối
trên những lá vàng non
và những lá héo hon
rụng như lòng anh rụng

lạnh trong rừng thu mộng
ôi giấc mộng dài đời
lạnh cả mùa thu tươi.

Nguồn: Thư Quán Bản Thảo, tập 23 tháng 4. 2006, chủ đề Tưởng nhớ Vũ Hữu Định, phổ biến trong vòng thân hữu, không bán. Địa chỉ: P.O Box 58 South Bound Broo

Phụ đính II :



Vũ Hữu Định, rượu thơ trần thế Trần Tuấn*

Bữa Rằm tháng Giêng Đinh Hợi vừa rồi, trong ngôi nhà trên đường Hải Sơn quanh co nhỏ bé gần mạn biển Thanh Bình - Đà Nẵng diễn ra một bữa rượu “vô tiền khoáng hậu”. Rượu và thơ. Thơ và rượu. Lai láng. Trần trề. Đổ bễ... Hơn hai chục gã đàn ông mái đầu xanh ít bạc nhiều, lúc ầm ào, lúc trầm lặng, lúc khóc lúc cười ngầy ngật như trẻ nít. “*Gối chai không mà thương nhớ nhau ...*”. Một người đọc to. Cả bọn buông ly, nghèn nghẹn. Thương quá, Định ơi, cái “Đêm mưa thiếu rượu nhớ Lý Hạ” hun hút sâu đầy khốn khó thuở ấy ! Hôm nay giỗ Định, trời quang mây bồng, bạn đông rượu chật, nhớ Định, Định đang ở đâu ?

Trần Phương Kỳ, tức Trần Kỳ Phương (vẫn được gọi là “Kỳ con”, vì thân hình chỉ nhỉnh hơn ... chai rượu, nhà Champa học hàng đầu Việt Nam, làm thơ vẽ tranh cũng vào loại “hạng nặng”), đứng bật dậy đọc thơ. Cao hứng thế nào, vung tay đánh văng chai rượu Tây xịn mới rót được lưng chừng xuống đất, bễ tan. Thi sĩ, họa sĩ râu tóc rậm rợp bởi bởi Trần Từ Duy (họa danh là Đông Kì Rét) vừa bay ra từ Sài Gòn mang theo một giỏ rượu giỗ bạn, bật cười khà khà : “Định “về” rồi đó !”. Rồi Duy ... Từ Trần, như cách gọi đùa của anh em, kể : Khi còn sống, Vũ Hữu Định có đùa, mà cũng như thật với vợ, rằng khi anh chết, giỗ anh, em chỉ làm mấy đĩa mồi, sơ sơ thôi, còn rượu bạn bè ... mang đến, khỏi lo ! Bởi thời ấy quá nghèo, rượu luôn là “vấn nạn”. Chỉ duy nhất có một lần nhậu, Vũ Hữu Định “chơi ngon” thẳng tay đập bễ nguyên một ... chai rượu, lại là chai Lúa Mới hần hoi ! Đó là một sự tày đình, vì thời đó chỉ toàn nước lã pha cồn. Vậy nên, như là định mệnh, trong bài thơ cuối cùng “Bài thơ năm bốn mươi”, viết vào trưa Mừng Một Tết năm Tân Dậu (1981), hai câu cuối thế này : “*Ta đang thềm đi để học làm thơ / chờ ta đến xin nhớ phần rượu tặng*”. Nay thì hồ hải ở cõi tang bồng nào đó đã 26 năm rông, chàng thi sĩ có thể nào trưa nay lại không ghé về để “*sương quá, nâng ly, khà một tiếng*” cùng anh em. Như anh từng hẹn ước : “*Cũng có khi nào anh trở lại/ Mai này, một nợ biết đâu chừng/ Và có một lời anh sẽ nói/ giữ gìn nhau một chút hồn chung*”.

Từ trước 1975, Vũ Hữu Định đã đề đời với bài thơ “Còn một chút gì để nhớ”, được Phạm Duy phổ nhạc và vút cao với tiếng hát Thái Thanh. “*Phố núi cao phố núi đầy*

*sương/ phở núi cây xanh trời thấp thật gần/ anh khách lạ đi lên đi xuống/ may mà có em
đòi còn dễ thương/ phở núi cao phở núi trời gần/ phở xá không xa nên phở tình thân/ đi
dăm phút đã về chốn cũ/.../ em Pleiku má đỏ môi hồng/ ở đây buổi chiều quanh năm
mùa đông/ nên mắt em ướt và tóc em ướt/ da em mềm như mây chiều trong ...”.* Nguyên
vẹn cả bài thơ mềm mại dài 4 khổ trở thành ca từ, “phù thủy âm nhạc” Phạm Duy hầu
như không phải sửa hoặc thêm thắt một chỗ nào. Nhà thơ Trương Văn Ngọc – một bạn
chí cốt trong nhóm văn nghệ Quảng - Đà thời ấy, kể : Định đang đánh trống phòng trà
mưu sinh, nghe hát thơ mình, sướng quá liền mượn tiền bạn bè chạy vào Sài Gòn gặp
Phạm Duy. Phạm Duy trả nhuận bút, kèm một băng cassette có những bài hát mới của
mình, và cả ... “10 bài Tục Ca”! Tên tuổi Vũ Hữu Định nổi trong làng văn nghệ miền
Nam từ ấy. Nhưng thực ra, thơ Vũ Hữu Định không chỉ có vậy, dù bây giờ nhắc đến cái
tên ấy, sẽ có ít người biết, kể cả nhiều tên tuổi khác trong dòng chảy văn chương miền
Nam trước 1975. Năm 1996, Nhà xuất bản Trẻ (TP HCM) đã in tập “Còn một chút gì để
nhớ” gồm 41 bài của Vũ Hữu Định, nhờ tiền bạc, công sức đóng góp của anh em bạn
bè. Sinh thời, Vũ Hữu Định chưa từng in tập nào, ngoài thơ lẻ đăng rất nhiều trên các
tạp chí văn học sang trọng ở Sài Gòn thời trước như Văn, Bách Khoa, Nghệ Thuật ...
Mới đây, nhân dịp giỗ lần thứ 25 của thi sĩ (2006), nhóm Thư ấn quán của Trần Hoài
Thư – Phạm Văn Nhân ở Mỹ đã cất công đến các thư viện ở Mỹ sưu tập để cho ra tập
“Thơ Vũ Hữu Định” gồm 80 bài chỉ dành riêng tặng người yêu thơ. Và sau đó ra tiếp tập
II, gồm 40 bài, từ bản thảo, di cảo chép tay, đánh máy mà bạn bè, gia đình còn lưu. Đó
là cách “*giữ gìn nhau một chút hồn chung*” đầy trang trọng.

Thơ Vũ Hữu Định điển hình nhất cho kiếp thi sĩ giang hồ, lận đận. Lận đận do thời thế,
và do tính cách tạo ra. Nên thơ anh, những bài hay nhất là khi viết trên đường lang bạt
kỳ hồ, bị nổi khốn khó truy đuổi. Tuổi Nhâm Ngọ (1942) – tên thật Vũ Hữu Định là Lê
Quang Trung, quê gốc ở An Cựu (Huế), sinh ra và lớn lên ở Đà Nẵng. Ông Lê Quang
Tấn – em ruột nhà thơ, kể : Nhà nghèo, anh phải vào đời sớm làm lụng phụ nuôi các
em. Không còn thiếu nghề gì trên đời mà Vũ Hữu Định chưa nếm trải, từ bán báo, đánh
giày, bán đậu phụng, bán bún xôi, vẽ bảng hiệu, chơi nhạc, đánh trống phòng trà ...,
nhưng trong túi chưa bao giờ có đồng bạc dư, cả đến lúc chết. Lớn lên bị kêu quân
dịch, thế là chui nhủi khắp nơi để trốn lính, nương náu bạn bè. “*Trưa ngủ đậu – chiều đi
- đêm đợi/ Mai lang thang, mót biết về đâu ?*”. Nhà văn Nguyễn Nhật Ánh thua Vũ Hữu
Định khoảng mười tuổi, nhưng chơi với nhau từ khi còn ở Tam Kỳ. Trong ký ức của
Nguyễn Nhật ánh có một chuyện cười ra nước mắt thế này : Thời Vũ Hữu Định “dạt”
vào Sài Gòn trốn lính, Định đến ánh mượn tiền, không có. Nguyễn Nhật Ánh sau đó đổi
nhà trọ. Một hôm có tiền, nhớ đến Định nhưng không cách chi liên lạc được, bèn đăng
tin nhắn trên tạp chí Văn. Đến khi hai người gặp được nhau thì Nguyễn Nhật Ánh lại ...
nhấn túi ! Để rồi về sau này, có lẽ chính những tháng năm rong ruổi ấy đã khiến Vũ Hữu
Định mắc bệnh “nghiện” đi : “*Nhà anh ở gần ga/ đêm thao thức nghe còi tàu giục giã/
giữa đêm vắng chợt thấy lòng xa lạ/ mấy năm không đi trời đất nhỏ dần*”.

Trốn mãi không thoát, Vũ Hữu Định bị sung vào lính quân cụ (cơ khí) đóng ở Đà Nẵng.
Thế nhưng lận đận cũng không buông tha chàng, bởi cốt cách và lối hành xử rất thi sĩ
của mình. Trong bài thơ “Cảm ân người vợ khổ” viết cuối năm 1972, có nhắc đến một
chi tiết ít người biết : “*Lần nào em sinh nở/ ta cũng phải vắng nhà/ Đứa đầu lòng, tù tội/
đứa thứ hai, đi xa...*”.

Chuyện “tù tội” theo lời kể của người nhà thi sĩ, là thế này : Cuối năm 1965, xảy ra lộn
xộn về tôn giáo, nhóm lính thợ của Vũ Hữu Định được huy động đến ôm súng đứng gác
trước cửa chùa Tịnh Hội (đường Ông Ích Khiêm bây giờ). Một hôm, đang đứng gác, thi
sĩ sực nhớ đã tới ngày ... cưới vợ, bèn gửi súng lại cho bạn, rồi cứ nhắm hướng quê vợ

sắp cưới ở gần núi Tuý Vân (vùng đầm phá Cầu Hai, huyện Phú Lộc, Thừa Thiên - Huế bây giờ) mà ... cuộc bộ ! Người vợ trẻ xinh xắn Nguyễn Thị Kim Vân chẳng ai khác, chính là em ruột của anh rể Vũ Hữu Định, từng là nữ sinh Đồng Khánh (Huế), sau bị đau một bên mắt, vào Đà Nẵng sống với chị học nghề thêu đan. Vì tội “bỏ súng cưới vợ”, Vũ Hữu Định sau đó bị kỷ luật, giam mấy tháng, cũng là lúc người vợ trẻ ở nhà sinh hạ đứa con trai đầu Lê Quang Bảo Định. Sau khi mãn hạn giam, Vũ Hữu Định lại bỏ đi biệt lập, chọn một cuộc đời bất định. Giang hồ của Định là loại giang hồ thật, chứ không phải “giang hồ vật”. *“Giang hồ đâu có ai phong ấn/ Mà nghĩ từ quan trở lại quê ...”*. Nhưng cuối cùng, chàng thi sĩ cũng phải trở lại quê, chấp nhận tham gia đội Xây dựng nông thôn của chính quyền cũ. Được mấy năm, nhờ bạn bè, Vũ Hữu Định xin vào làm ở Trung tâm Trẻ bụi đời, cai quản dạy dỗ đàn hát cho lũ trẻ cũng “bụi đời” như mình. Sau giải phóng, qua mấy năm trôi nổi, anh xin được một chân nhân viên Nhà đèn (điện lực bây giờ). Tiếng là thế, nhưng như chị Vân kể, chưa bao giờ anh đưa về nhà được một đồng bạc. Được đồng nào, là rượu, đọc thơ với bạn bè, và đi “giang hồ”, có khi cả năm mới về nhà. 5 đứa con nhỏ nheo nhóc, một mình chị Vân gồng sức buồn thúng bán bưng, rồi làm lao công trường học cáng đáng.

Những ngày cuối cùng của Vũ Hữu Định, chị Vân kể : “Ba mươi Tết năm ấy (1981), nhà không còn đồng bạc. Anh loay hoay mượn được đâu đó ít tiền, rồi vừa làm thơ, vừa xăng xái giúp vợ làm mâm cơm cúng. Chuyện lạ, vì trước nay anh đâu quan tâm tới chuyện ấy. Xong anh đọc 2 bài thơ mới viết, trong đó có bài “Bài thơ năm bốn mươi” nhân dịp 40 tuổi, dài tới mấy đôi giấy, nghe rất tội, như là bản “kiểm điểm” đời mình. Tôi ứa nước mắt, nghĩ anh đã tỉnh ngộ, bớt sa đà. Nhưng sau Tết, anh ở mấy ngày liền nhà bạn bè ở Quận Ba bên kia sông Hàn. Vậy là vẫn chứng nào tật nấy, tôi chẳng còn biết giận là gì nữa. Nhớ mấy hôm trước anh bảo ảnh sẽ đi. Tôi cứ nghĩ anh lại đi dài ngày như những đợt trước. Giận quá tôi nói: Anh đi thì mang theo mấy đứa con đi luôn. Đầu có nghĩ đó là những ngày cuối cùng của ảnh ...”.

Về cái chết của Vũ Hữu Định, vốn gây nhiều đồn đãi nghi hoặc trong bạn bè văn chương nhiều năm qua, qua lời kể của ông Lê Quang Tấn, người trong cuộc, thì thế này : “Tôi khi đó ít khi nhậu. Tối hôm ấy Tết Nguyên tiêu (16/1 âm lịch, 1981), tôi làm bốc xếp ở Nước Mặn, sau khi liên hoan có mang về ít mời, gặp anh Định, bèn kéo thêm mấy anh em nhậu lai rai. Nhậu qua mấy chỗ, cuối cùng kéo qua nhà ông Mai Văn Ba gần bờ sông Hàn bên làng An Hải. Ông Ba làm nghề xây nước đá cho tàu cá, không làm văn nghệ, nhưng tính tình cởi mở, rất quý anh em nghệ sĩ. Nhà ông Ba cách nhà tôi có mấy chục mét. Bữa nhậu chỉ còn lại vài ba anh em. Nhậu say, ông Ba bảo thôi để Định ngủ lại. Tôi về nhà nghỉ, một chặp thì nghe anh Định bị té từ trên gác xếp xuống. Tôi chạy qua, thấy ảnh có vẻ mệt, bèn đưa về nhà mình, thay quần áo rồi để anh nghỉ. Sáng hôm sau, trước khi đi làm tôi lay ảnh dậy để đi ăn sáng, thì thấy ảnh mất rồi. Chị Vân từ bên kia sông chạy qua, thuê xe lam chở ảnh về ...”. Bạn bè của Vũ Hữu Định kể thêm : Hôm ấy nhậu xong, anh nói đau đầu, bạn bè bảo lên gác xếp nghỉ. Tới tối anh đỡ mệt, lật đật bước xuống thang để về nhà thì bị té, do gác xếp không có lan can. Tính ảnh vẫn vậy, hễ say thì nằm luôn, khi tỉnh dậy dù là đêm hôm vẫn tìm cách về nhà. Trần Từ Duy – người viết lời điệu khóc Vũ Hữu Định, nhớ lại : “Sáng ấy, chiếc xe lam tôi tàn chở ảnh chạy trên đường bên phà quận Ba về nhà, đường đá cát gập ghềnh, tôi chạy theo sau, thấy bàn chân anh trắng bạch lác lư ...”.

Chị Vân kể : “Anh chết, không đủ tiền mua quan tài. Bạn bè xúm góp lại được có 600 đồng, tôi vót vét mãi được một ít, trong khi cái rẻ nhất cũng 1.200 đồng. Tất cả đang ngồi chết đióng, không biết tính sao, thì bà chị của ảnh đi làm ăn xa bắt chợt về. Chị bảo không hiểu sao mấy hôm ruột gan cứ như lửa đốt, bèn ôm một số tiền lớn về Đà Nẵng,

cũng chưa biết để dùng vào việc gì. Ai ngờ lại về để làm đám tang cho em... Mẹ con, chị em ôm nhau mà khóc không nổi. Đám tang ảnh đông lắm, gia đình, bạn bè một số phải nằm rạp trên rơ moóc chiếc xe công nông, vì sợ bị giao thông phạt. Còn hàng xóm, bạn bè, người xe máy, xe đạp, người lóc cóc chạy bộ theo sau ...”.

Hết mình vì thơ, rượu, và luôn gây “phiền toái” cho bạn bè hồn nhiên đến mức tự nhiên, đến mức thành giai thoại, đó là con người Vũ Hữu Định. Bạn bè lắm khi nổi khùng với Định, nhưng không ai giận lâu, vì bản tính hồn hậu, vô tư của anh, và đặc biệt vì ai cũng biết đó là một thi sĩ đích thực, sống và chết vì thơ. Đoàn Huy Giao – người bạn văn nghệ thân thiết một thời của Vũ Hữu Định đúc kết : “Toàn bộ con người Định là vì thơ. Và thơ của Định cũng là THƠ Vì THƠ”. Bởi hiểu theo nghĩa nào đó, có những loại thơ không phải vì thơ, mà vì những thứ khác, dù rằng thời ấy, kể cả thời nay, thi sĩ nào cũng đều kiết xác như nhau. Chỉ trừ những kẻ dùng tên tuổi, thương hiệu của mình để mưu cầu chuyện khác. Và nữa, thơ Vũ Hữu Định là một thứ “tình thơ” gắn gũi nhất với bản thể của nó, không phải “lý thơ” chuyên vận vẹo uốn éo câu chữ để làm sang. Tình yêu tràn thê trong một một đời người nổi trôi, bất định đã tạo ra một giọng thơ phiêu bạt đầy ấn tượng, trước đó chỉ có thể liên tưởng đến một người, đó là Nguyễn Bính. Đây là bữa rượu cuối năm giữa ngày tháng giêng hồ, khi chàng thi sĩ bất chợt gặp người em trai non dại cũng bị lốc bụi cuộc đời cuốn đi : “*Long lanh mắt chú sao đây rượu/ mắt có xa quê với bóng thầy/ chú ạ ! vô tình anh mới khóc/ vô tình vuốt mắt để nghe cay*”. Đây là sự cô độc không thể diễn tả tận cùng hơn : “*Năm nay ăn Tết cùng ông quán/ mừng Một đời cay miếng mút gừng*”. Đây là một thăm thăm tiếc nuối : “*Mù mù anh đang sống/ mờ mờ anh đang thờ .../ lừ đừ anh đang đi/ xa dần màu lúa mỡ/ bạc hết màu trắng xưa/ không còn nghe em thờ/ mờ mờ em mất anh/ thời xưa anh tuổi nhỏ .../ mờ mờ anh mất anh/ tấm nắng đồng giữa ngọc*”. Để rồi trong “Tiếng dội của sương chiều”, thi sĩ cảm giác về cái mong manh vĩnh cửu : “*Anh ngồi trong lá xanh/ trên những hồn lá chết/ tay anh nắm tha thiết/ những chiếc lá còn tươi/ thả xuống suối mà chơi/ trôi đi còn tiếng dội ...*”. Những câu thơ - tâm trạng thơ ấy theo tôi sẽ còn sống mãi trong dòng thơ Việt.

Những năm sau ngày giải phóng, giữa vỡ oà, xáo trộn và gian khó của đất nước, thơ Vũ Hữu Định có nhiều trăn trở, về thơ, về đời sống với cái nhìn sâu lắng, trách nhiệm hơn. Khi lục tìm trong di cảo của Vũ Hữu Định ở nhà anh, tôi tìm thấy một bản thảo chép tay chưa in ở tập thơ nào, bài “Thái độ”, viết tháng 10/1979 : “*Nghiến rằng cho thơ có tiếng kêu/ thơ làm tiếng nổ/ có tiếng nổ nào không cháy ngòi/ nên dù không vui anh vẫn ở đời/ chịu ô nhục làm thuốc nhồi/ tự trang bị cho mình chiếc ngòi/ cháy chập*”. Giai đoạn này, sự trăn trở của Vũ Hữu Định thể hiện rõ nhất trong bài : “Sống thế nào cho có ích đây em”, cũng viết tháng 10/1979. Đây có lẽ là bài thơ dài hơi nhất của Vũ Hữu Định : “*Những đêm anh nằm nghe tiếng thời gian đi/ Tiếng gõ giờ chiếc đồng hồ hàng xóm/ .../ Những đêm anh ngồi với ánh đèn mờ/ Nghe em trăn trở/ Nghe các con đều đều hơi thở/ Giấc ngủ vô tư trong sáng các con yêu/ Đã làm anh ray rứt bao nhiêu/ Những bữa cơm của gia đình chúng ta đã tới thời kỳ thiếu thốn/ ăn chẳng đủ no mơ gì món ngon/.../ Những ngày anh lặn lội bê tha/ Những cơn say đốt đời cay nghiệt/ Những cơn say mỗi mệt/ Qua những phố xưa lạc mất bạn bè/ Những đêm ngơ ngác ngồi giữa vĩa hè/.../ Em ơi/ Biết phải sống thế nào cho có ích/ Khắc phục khó khăn và biết hy sinh/ Chúng ta đã sống những buổi hoàng hôn và những bình minh/ Bao lâu nữa cuộc đời sẽ đẹp ?/.../ Những năm tháng chiến tranh tức tưởi/ Vợ chồng ta đã mơ thấy hoà bình/ .../ Cuộc đời chúng mình vốn đã mong manh/ Mong hoà bình cho con được hưởng/ Chúng ta sống với quá nhiều tường tượng/.../ Chúng ta biết khinh những kẻ sống hèn/ Nhưng ta khổ vì suốt đời mơ ước/ Đôi khi anh bảo anh không thể được/ Còn thờ còn đấu tranh/ Dù một bài thơ không hay nhưng đủ ý đủ tình/ Cũng gửi tới đời câu hỏi/ Nhưng rồi anh không làm được những bài thơ/ Câu hỏi và bao nhiêu lần câu hỏi/ Chẳng có ai trả lời/.../ Có*

những ngày anh thềm lang thang/ Xách giỏ cầm cần nhìn ra biển rộng/ Anh lắng nghe cái chết của con cá ăn mồi/ Cảm giác của đường giầy cuộc sống/ Giữa sông nước mênh mang/ Tâm hồn anh xúc động...”. Có một chút gì ưu tư quặn thắt như Lưu Quang Vũ ở miền Bắc những tháng ngày ngơ ngác, bên nhà chật, con thơ, bên những cảnh đời sau chiến tranh...

Nhà văn Thái Bá Lợi nhớ lại, năm 1976, Khu V mở Trại sáng tác Trung Trung bộ (đóng tại số 10 Lý Tự Trọng, Đà Nẵng), dưới sự quản lý của các nhà văn Nguyễn Ngọc, Nguyễn Chí Trung, Phan Tứ. Hầu hết những cây bút trong và ngoài quân đội của miền Trung đều được mời về, như Thu Bồn, Thanh Thảo, Trần Vũ Mai, Nguyễn Trí Huân, Ngô Thế Oanh, Thái Bá Lợi, Nguyễn Khắc Phục, Bùi Minh Quốc, Thanh Quế, Trung Trung Đình, Đoàn Huy Giao ..., và sau này có thêm Ngô Thị Kim Cúc, Nguyễn Công Khế... Vũ Hữu Định không được tham gia, chỉ chơi “ngoài luồng” với anh em trong những cuộc rượu, thơ và những chuyện lang bạt đây đó, và được tất cả mọi người quý mến. Bởi tính tình hồn nhiên, và đặc biệt là máu văn thơ cuồng nhiệt. Không tham gia trại viết, nhưng Định lại có bài thơ “Mùa gặt tháng Tư” với bút danh Lê An Cựu được đăng và lấy luôn tí đề thành tên của tập thơ văn của trại sáng tác chào mừng ngày bầu cử Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam thống nhất (tháng 4/1976). Như Đoàn Huy Giao nhớ lại, thời ấy nhiều nhà thơ như Thanh Thảo, Nguyễn Trí Huân, Thu Bồn, Nguyễn Chí Trung ... từng đọc nhiều văn học miền Nam nghe tên Vũ Hữu Định, đã “liên tài, liên tình” ngay khi mới gặp mặt. Không chỉ quý trọng văn thơ, các nhà văn còn “chịu” được cả những trò oái oăm của Định, như có lần Định lén “quy đổi” cái bàn viết của các nhà văn trong trại ra ...rượu, mời mọi người uống xong, ai nấy cũng đành phải ... cười trừ !

Qua dằng dặc thời gian, còn rất nhiều để nhớ Vũ Hữu Định. Cũng mừng cho chàng thi sĩ ngất ngư giang hồ và túng đỏi, nhờ sự tảo tần thương khó đến vô tận của người vợ, người mẹ – một bà Tú Xương thời nay, cả 5 người con tuy cũng phải bước ra đời sớm như cha, nhưng giờ đều đã phượng trưởng, có những người là doanh nhân thành đạt ở TP.HCM.

Cùng một nhóm chơi thân thiết với Vũ Hữu Định ở Đà Nẵng bên kia bờ sông Hàn thời trước và sau giải phóng là những tài hoa như bộ ba thi sĩ Tô Như Châu, A Khuê và nhạc sĩ Trần Quang Lộc – tác giả của những bài thơ phổ nhạc lừng danh “Có phải em mùa thu Hà Nội” (*Tháng Tám mùa thu lá khời vàng chưa nhĩ/ Từ đó người đi thương nhớ âm thầm/ ... Có phải em là mùa thu Hà Nội/ Ngày sang thu anh lót lá em nằm ...*); “Về đây nghe em” (*Về đây nghe em, về đây nghe em/ Về đây mặc áo the, đi guốc mộc ...*). Là Phạm Phú Hải – một thi sĩ thiên sư mắc chứng điên một cách kỳ dị (“*Có bàn chân dài hơn con đường/Nên chân trời là những đốt xương/ Cửa ai bỏ lại ngàn năm trước/Sửng sốt kêu lên tiếng dị thường ...*”). Toàn những nhân vật âm thầm và rất đỗi lạ lùng ...

Vũ Hữu Định, một chút gì để nhớ Nguyễn Mạnh Trinh

Có những bài thơ, tôi đọc của Vũ Hữu Định mà mừng tượng ra những cảm giác của chính mình. Có những cảnh ngộ, đã trải qua trong đời sống, bây giờ, đọc trong thơ Vũ Hữu Định, như sống lại trong ký ức.

Như, bài thơ “Những ngày long đong”:

*“trưa ngủ đậu - chiều đi - đêm đợi
mai lang thang, mốt biết về đâu
ngày với tháng cứ đùn như mốt
tháng với ngày qua như một bãi mù ...*

*đi ra khỏi nơi anh tạm trú
đứng một nơi đâu không định trong lòng
ngã bảy xe người chia bảy ngã
có ngã nào đi riêng của anh đâu*

*đi ra khỏi nhà sơ quen tạm ngụ
một đêm đau lưng mắt mờ trũng trũng
đi ra khỏi là ra đi với nhớ
để chiều về đâu? Ngơ ngác băng khuâng...”*

Phải, tôi đọc thơ Vũ hữu Định để nhớ lại những ngày xa xưa thuở ấy. Lúc lang thang vơ vẩn ở Sài Gòn năm 1980 sau khi được thả về. Sau đó, tham gia tổ chức một chuyến vượt biển không thành ở Bến Tre và bị công an tỉnh lên tận Sài Gòn hỏi thăm. Túng cùng, khi chiều về đêm xuống đạp xe đi mà không biết mình đi đâu. Có lúc, như một nhân vật của kiếm hiệp Kim Dung mà than thở một mình. Than ối, trời thì cao, đất thì rộng mà ta thì không chốn nương thân. Câu hỏi tối nay biết ngủ đố nơi đâu cứ hoài trong tâm trí. Mình có nhà có cửa mà sao phải lạc loài như người vất vưởng không nhà. Có bữa, mượn chiếu ngủ tạm ở bến xe, để nghe những người chung quanh chửi rủa thời thế, hay những cô gái giang hồ đêm khuya kể lể tâm sự bọt bèo mình. Tôi khám phá ra một điều ngủ đêm ở bến xe lại an toàn hơn bất cứ một nơi chốn nào khác. Nếu tạm trú tại nhà mấy người thân, thì chỉ một lần, bởi cả gia đình người thân ấy cũng sẽ hỏi hốp chờ tiếng gõ cửa xét nhà kiểm tra hộ khẩu và cả đêm thức trắng trong lo sợ. Thôi thì đành tối tối, tới bến xe, ngủ lẫn lộn với những hành khách chờ xe đò hoặc những anh tài xế xe vận tải hay những chị buôn hàng chuyến, để chờ một chuyến đi sắp tới cho qua những ngày bị truy nã, săn đuổi...

Đọc những câu thơ, tự nhiên sao bồi hồi. Nhớ lại, một thời gian qua, đã tới hai mươi mấy năm mà sao như trước mắt. Tôi thấy mình đạp xe lang thang giữa con phố đông người với mây đen ùn lên phía chân trời của thành phố Sài Gòn đang lên đèn. Tôi nghe lại những câu vọng cổ, than thở buồn hiu trong đêm mưa dầm rả rích khi mình cuộn tròn trong manh chiếu ở hiên nhà cạnh những người vô gia cư từ kinh tế mới trở về, lẩn lóc, tang thương.

Đọc những câu thơ sao thấm thía:

*“trong đám đông anh lại càng cô độc
bởi một nơi đâu cũng ăn tạm ở nhờ
sợ cả lời chia vui thành thật
bạn bè thì đông sao anh vẫn bơ vơ
buổi tối xe lam muộn màng ế khách
lại tới một nơi không hẹn không tìm*

*anh đi ngược lại con đường xe chạy
mỗi bước chân rời mỗi nhịp đau tim
thành phố lặng là khi nghìn tiếng động*

*không xô tan được khối lòng sầu
chân anh bước, mắt chỉ nhìn phía trước
tai nghe hoài một câu hỏi về đâu.”*

Thời gian ấy, sao cố quên mà vẫn còn hằn nhớ. Cái tâm cảm của một người cô đơn trong cái xô bồ náo nhiệt của chốn đông người lại càng làm tăng thêm cường độ nỗi buồn. Thời thế ấy, sao buốt xót. Kỷ niệm ấy sao ngậm ngùi. Cảm tập thơ Vũ Hữu Định trên tay, mặc dù chưa bao giờ gặp mặt và cũng không hề quen biết mà sao tôi có cảm giác vô cùng thân thuộc. Không biết có phải vì có lúc, mình cũng đồng cảm với cái tâm sự của một người lỡ vận “Ta đã hát khúc hát đời lỡ vận. Hát âm u trong đêm tối một mình.” Hình như, với thi sĩ tác giả “Còn một chút gì để nhớ”, đêm tối lúc nào cũng là cái phong thăm sâu của kiếp người, của những bước chân đi không bao giờ đến đích.

Bài thơ về phố núi Pleiku của Vũ Hữu Định với nhạc Phạm Duy đã tạo một thành phố nhỏ nơi xó rừng thành một nơi chốn đầy huyền thoại, vừa lãng mạn vừa bi tráng. Ở đây, có những chuyện về Bà Chúa Rừng linh thiêng, có những mối tình y như tiểu thuyết của những người lính trận và những cô gái giang hồ. Thời chiến tranh cực độ, phố núi là nơi dưỡng quân của những chàng G.I. từ mặt trận biên giới trở về và cũng là nơi mà các nàng kiều nữ từ khắp nơi đổ về kiếm tiền. Và, cũng chính nơi đây, là nơi nghỉ phép của những chàng lính chiến từ biên trấn. Rượu, ăn chơi, nhảy nhót, cho quên sầu để rồi trở lại chiến trường, ở đó có những mối tình giang hồ nhưng cũng có những mối tình lãng mạn trong trắng.

Ở đó, cũng có con đường Trịnh Minh Thế rợp bóng cây dầu, cây sao, những giờ đi học hay tan học tung tăng những tà áo trắng nữ sinh trong cái mù sương buổi sáng hay nhạt nắng buổi chiều. Pleiku, “phố xá không xa nên phố tình thân. Đi dăm phút đã về chốn cũ...” Con đường Hoàng Diệu từ rạp Diệp Kính đến Bưu Điện, chỉ vài phút đi lên đi xuống để cho đời còn mơ còn mộng, còn thấy hạt nắng dễ thương, hạt mưa tuy buốt lạnh nhưng lại ấm lòng vì đôi mắt em. Dù nơi đây suốt năm là mùa đông tháng giá nhưng má đỏ môi hồng em làm ấm mùa xuân. Và:

*“xin cảm ơn thành phố có em
xin cảm ơn một mái tóc mềm
mai xa lắc trên đôn biên giới
còn một chút gì để nhớ để thương.”*

Rời phố núi, để hát bài Biên trấn ca. Thơ, là tiếng hú vọng lên thình không về đến quê nhà. Thơ, là tia nhìn tha thiết xuyên qua rừng qua núi, về một nơi chốn nào sắt se kỷ niệm. Thơ, những vần thơ làm xao xuyên không gian.

*“...Chiều có ta đứng mãi
Định hướng phương trời quê
Chim bay về biển Bắc
Gió bạc hồn sơn khê
Ba năm đôn biên trấn
Hai mươi năm giang hồ
Chuyện kể hoài bữa rượu
Thuốc chẳng tàn cơn mê
Đòn cheo leo đón gió
Bốn mùa phen mây che
Đất trời đây một cõi*

Nhốt đời chưa cho về...”

Có người nói thơ Vũ Hữu Định ít có bóng dáng chiến tranh. Nếu có, chỉ là những nét thoáng mờ không rõ nét. Nhưng, trong suy nghĩ riêng mình, tôi lại thấy bất cứ bài thơ nào của ông cũng đều thấp thoáng hình ảnh của một thời đại chinh chiến. Cái tâm tư bất an, cái nỗi niềm thời bom đạn, những huyền mộng và đau xót hòa chung, bàng bạc trong ngôn từ, của một thời đại mà bất hạnh thành quen thuộc và hạnh phúc lại hiếm hoi.

Bài “Trên đoạn đường quê em,” như một lời phẫn nộ:

*Lửa rục đỏ treo trăm đường sinh tử
Trong đêm cay, đêm địa ngục hải hùng
Mẹ thét tim con tóc dài điên dại
Xiêu vẹo giữa đường chết đuối sau lưng*

*Lửa đã cháy đường ra quê em
Lửa đã cháy một đoạn lòng của mẹ
Ôi cái chết có còn chằng lý lẽ
Có lý lẽ nào đã giết anh em*

*Đường ra quê em trăm ngàn cay đắng
Lửa hạ đạn gào trăm tiếng kêu la
Những dòng máu vô tình vô tội
Đã chảy lên nhau thành suối chan hòa*

*Lửa Quảng Trị lửa rượt về Mỹ Chánh
Rải những thân người gục giữa đồng khô
Những dòng máu đã thấm tràn mạch đất
Có làm tương lai con cháu huy hoàng?”*

Ghét chém giết, nhưng vẫn phải tham dự chiến tranh, ôi tám lòng tuổi trẻ sao sắt se buồn:

*“trên non mây có tình bằng hữu
tuổi trẻ đau chung một khúc ca
ôm nhau thức với vầng trăng lạnh
vượt lá tìm sao định hướng nhà*

*có những ngày đi trong núi thẳm
tuổi trẻ nhìn nhau nhớ xóm thương làng
thở chung một tiếng nghe sầu cháy
tâm sự chuyển nhau điều thuốc quan san*

*Cám ơn điều đứng rùng sinh tử
Cạm bẫy người giăng để giết người
Tuổi trẻ gần nhau trong gió lửa
Giữ gìn nhau những tiếng chim cười.”*

Có lẽ những bài thơ hay nhất của Vũ Hữu Định, theo tôi, là những bài thơ viết về thời lang thang giang hồ của ông. Có khi ông luận chuyện đời, một chút triết lý, một chút cảm

cảnh thương thân. Có khi, ông phác họa lại tình cảnh mình, đối chiếu giữa cái có và cái không, cái chân thực và cái giả ngụy:

*“ ... bạn bè bảo ta thành giả trá
thành làm thơ “tẩu hỏa nhập ma”
ta chỉ biết cười trong im lặng
có một lời nào ta nói chưa ra*

*hôm xưa ta vốn thành hay nói
chuyện văn chương giống chuyện đàn bà
chuyện anh em chết ngày đôi lứa
nói mãi không cùng chẳng tận xót xa
có lúc cay môi mềm tiếng rượu.”*

Thi sĩ tự họa chân dung, của một lời thề thiết bỏ nhau, của những lúc hất bỏ đi những gì thơm hương những gì mơ mộng nhất:

*“bỏ người ta vẽ chân dung
bỏ người ta thấy trùng trùng cõi xa
bỏ ta
ta vẽ đời ta
bỏ nhau ta vẽ ngựa già ngủ im*

*bỏ ngày xưa
bỏ trái tim
ta lang bạt tự kiếm tìm xót đau*

*bỏ đời rồi bỏ đời nhau
bỏ trăng chết lạnh bỏ sâu khói sương
bỏ rừng tuổi lá thơm hương
bỏ sông để gió làm buồn sóng chao
bỏ người tôi bỏ đời nhau.*

Điệp khúc “bỏ người, bỏ đời, bỏ ta, bỏ rừng, bỏ trăng, bỏ sông,” như những lời than oán, như những tiếng gọi về. Buồn, một nỗi đau tận cùng, nhưng, sao trong ngôn ngữ, có phảng phất một chút gì chịu đựng, như số phận đời đã phải cam chịu, đã phải buông xuôi...

Tình yêu, có lúc là những cơn mộng, của giây phút kiếm tìm nhưng chẳng bao giờ gặp gỡ trong đời. Vũ Hữu Định làm thơ tình, giữa thiên nhiên hiền hòa nhưng sao trong lòng như đã chớm một niềm đau, bàng bạc:

*“vẫn nằm mộng thấy bàn tay em vẫy
nên chỉ anh đi ngơ ngẩn kiếm tìm
có buổi chiều ngồi ngó mãi ra sông
có buổi tối qua những đường quen cũ
có đêm thức ngó lá dứa buông rủ
những lá dứa kia đã có linh hồn...”*

Làm thơ về Huế, để nhớ lại những đứa bạn thời xưa. Nói với bạn, mà sao như nghe nói với quê cha đất tổ nỗi niềm của mình, của những người con làng phải xa rồi lại trở về,

chịu những cảnh khó khăn của một thời đại đầy đổi thay bất trắc. Thơ gửi Trần Dzạ Lữ, gửi theo một cảm xúc buồn về đất nước quê hương:

*“...tôi có nhiều người bạn Huế
thường nói với nhau về Huế của mình
xa thì thương ở gần dễ giận
đi xa Huế dẫu đời lặn đạn*

*nhưng còn Thành Nội trong tim
nhưng còn hình ảnh núi Ngự sông Hương
cái huyền thoại nghe buồn dễ sợ*

*Dạ ơi! Cuộc sống có bao giờ dễ thở
ai có bạc chi mình cứ níu xóm làng
tau vẫn nhớ hoài năm tháng lang thang
mày cứ nhắc làng quê Nam Phổ Hạ...”
em ơi!...*

Chết lúc bốn mươi, có lẽ cuộc đời người làm thơ ngắn ngủi. Phần rượu tặng của đời chàng có lẽ là những giọt đắng tận toan. Chàng ra đi khi đất nước trong những ngày cực kỳ khó khăn, khi chế độ với chính sách kinh tế chỉ huy, ngăn sông cấm chợ, triệt hạ tư sản lôi xã hội xuống cấp tột cùng. Vũ Hữu Định qua đời vào đầu năm 1981 tại An Hải, Đà Nẵng. Ông tử trần vì say rượu té từ trên lầu xuống, một cái chết mà theo nhiều người kể lại thì còn nhiều nghi vấn.

Đọc thơ Vũ hữu Định, thấy nỗi ngậm ngùi. Và lại càng thấy công việc in lại tập di cao “Thơ Vũ Hữu Định” của các anh Trần Hoài Thư, Phạm Văn Nhân là một việc nên làm.

Nó chẳng những là một nén hương tưởng niệm mà còn làm sống lại một thời kỳ văn học thật nhiều trăn trở thật nhiều thời đại tính mà những người lãnh đạo trong chế độ đương thời muốn xóa bỏ và triệt hủy.

Kỷ niệm với một thi sĩ chết trẻ Dương Hoài Ninh

Chắc không ai không nghĩ rằng Vũ Hữu Định là tên thật, chứ không phải là bút hiệu của một thi sĩ, tác giả những lời thơ “Còn một chút gì để nhớ để thương” nổi tiếng nhờ nhạc sĩ Phạm Duy phổ nhạc. Thật ra, Vũ Hữu Định là bút danh của Lê Quang Trung sinh năm 1942 tại phường Hải Châu(cũ), Đà Nẵng.(*)

Tôi quen với Vũ khoảng năm 1970. Chính qua nhạc sĩ Trần Quang Lộc ,tôi mới biết Vũ. Trước, tôi chơi thân với Lộc, một nhạc sĩ du ca cùng thời với Trần Đình Quân và Tôn Thất Lan ở Đà Nẵng. Cùng thời du ca nhưng Lộc chỉ ở lứa tuổi học trò của 2 ông nhạc sĩ thầy giáo này. Trong nhóm bạn còn có Trần Dzạ Lữ và A Khuê (tác giả tập thơ “Vàng bay” xuất bản ở Đà Nẵng). A Khuê có bề ngoài cổ quái nhất trong nhóm, áo quần bẩn thỉu, tóc tai bù xù, râu ria tua tủa không khác gì một thành viên của Khất Cái bang. Còn VHĐ. thì tương đối sạch sẽ hơn. Có lẽ vì công việc, anh luôn luôn để áo trong quần chứ tóc thì bõm xòm không chải. Khi đi đầu ngẩng lên, mắt nhìn thẳng về phía trước mà không để ý một ai và mặt thì lúc nào cũng đỏ gay. Nhà thơ của chúng ta nổi tiếng tửu

lượng cao, uống ngày uống đêm, lúc nào cũng uống được nếu sẵn tiền trong túi hoặc bạn bè đãi đằng. Vũ người thâm thấp, tròn trịa trông rất khỏe mạnh. Anh ăn to nói lớn, năng động, xông xáo có lẽ do anh lăn lộn với đời từ nhỏ, trải qua cả chục nghề, không khác văn hào H. Miller. Tầm thường như ở đợ, đánh giày đến đạo mạo như “phó giám đốc” trẻ bụi đời. Lần đầu gặp anh đi với Lộc, tôi chỉ chào hỏi qua loa. Lần thứ hai, khi tháp tùng phái đoàn của Phong Trào Quốc Gia Cấp Tiến của Gs. Bông từ Huế vào Đà Nẵng, tôi lại gặp anh trong ban nhạc hát chào mừng phái đoàn. Từ đó, tôi quen thân với anh hơn. Mỗi lần nghỉ học, tôi thường phóng xe máy vượt đèo Hải Vân về thăm nhà và nhân tiện thăm anh luôn. Bạn bè anh rất nhiều vì tính anh sôi nổi và dễ hoà đồng, trong số đó có họa sĩ Hoàng Đăng Nhuận. Tôi nhớ một lần theo anh xuống nhà ông bạn họa sĩ này cùng với Lộc. Đó là một ngôi nhà sàn, sát bãi biển, thuộc xóm đạo Thanh Đức. Nơi này đã từng xảy ra một thảm kịch: cuộc đốt phá tanh bành nhà cửa có động lực chính trị dưới thời tướng Thi làm tư lệnh vùng vào năm 1966. Phong cảnh chung quanh nhà Nhuận ở, rất thơ mộng, với vườn dừa mát mẻ bao quanh, lại thêm những âm thanh rì rào đều đặn của sóng biển vọng vào, nghe cực kỳ êm ái và thanh thoát. Nhuận thuê nhà này làm phòng vẽ và nghỉ ngơi. Thật là đắc dụng và hữu tình. Chúng tôi nói chuyện âm ỹ và hào hứng đến nỗi quên cả đói. Quá trưa, mới thấy “kiến bò trong bụng”, VHD. bèn trở tài nấu nướng một bữa cơm tôi thấy chưa bao giờ ngon thế! (Anh vốn sành ăn uống nhậu nhẹt được chúng tôi xem như “đệ tử ruột” của Tản Đà tiên sinh). Nhuận cười bảo “Mày mở tiệm nhậu được đây và tao sẽ ghi sớ ăn chịu”. “Mày đừng lo, khách sẽ đông lắm”, Lộc pha trò tiếp. Cả bọn cười vui với những câu nói đùa. Đang khi ngã ngớn giữa bữa như vậy thì lù lù 2 nhân vật ăn mặc rất lịch sự, 1 nam 1 nữ, xuất hiện.

Chàng bạn đồ complet, mang cà vạt đảng hoàng, râu ria xồm xoàm như Che Guevara (thủ lĩnh du kích Nam Mỹ, thần tượng sinh viên lúc bấy giờ), tay cầm dù che cho nàng là người đẹp vận đồ đầm. Họ cặp kè nhau đứng đỉnh tiền vào. Cả bọn nhìn ngạc nhiên hỏi nhau không biết ai nhỉ? Nhuận vội bảo “Lê Nhược Thủy đấy! Dân ở đây cứ gọi là ông tây bà đầm”. Bấy giờ, tôi mới nhận ra vì trông anh chàng hóa trang tài tình, khác hẳn hình dáng sinh viên tôi gặp nhiều lần. Thú thực, tôi không biết tại sao Thủy lại đổi lột như vậy. “Đi với bồ thì không việc gì phải thay hình đổi dạng”, VHD. nói. Tuy thế khi họ vào, anh cũng mau mắn đứng lên nấu thêm vài món cho cặp này ăn. Về sau, tôi mới biết lý do Thủy hoá trang như vậy là vì chính trị. (Hồi ấy, chiến dịch Phụng Hoàng đã khám phá ra mạng lưới nằm vùng trong hàng ngũ sinh viên Huế khiến cho tổ chức bí mật này bị vỡ lở và mạnh ai nấy chạy. Kẻ nằm vùng thực sự thì tìm cách trốn vào bụng và người nào chưa theo VC. ở lại thì thuộc diện tình nghi. LNT. thuộc số sau này nhưng anh ta sợ thắm vấn lời thôi khi chưa tốt nghiệp đại học nên đành phải đánh lá bài “tẩu vi thượng sách”). Vào năm 1972, cuộc chiến đi đến cao điểm của sự khốc liệt. Chiến tranh VN. có thể là “trò chơi” dưới con mắt của nhà thơ nhập cuộc Nguyễn Bắc Sơn trong câu thơ ông viết “Chiến tranh này cũng chỉ một trò chơi”. Trong khi thi sĩ Hà Thúc Sinh đi “Dạo núi mình ta” (1 thi phẩm của HTS) kiêu thoát tục thì nhà thơ VHD của chúng ta “nhập thế” theo cách riêng. Anh dấn thân để sống thực với niềm khao khát phải làm một cái gì đó dù nhỏ nhoi để đất nước được tốt đẹp hơn. Anh không đi trên mây hay ảo tưởng về cuộc chiến. Không bất chấp tất cả, anh tỏ ra vừa thực tế một vài điều vừa bất cần một vài điều. Dám nói dám làm, anh là người hợp nhất giữa lời nói và hành động. Một phần ngang tàng và ngông nghênh, một phần sành sỏi về nhân tình thế thái, tất cả đều có trong con người Vũ thi sĩ. Anh có thời trông coi một trung tâm “bụi đời” chuyên lo việc xã hội cho các trẻ em vô gia cư. Trung tâm này nằm đối diện với Trung tâm y tế Toàn khoa ở Đà Nẵng nên anh thường ra vào bệnh viện để liên hệ về vấn đề sức khỏe cho các em. Anh có khiếu về đàn hát chỉ thua Lộc ở tài sáng tác trong khi Lữ, Khuê và tôi mù tịt về âm nhạc, chỉ biết thưởng thức là cùng. Có lẽ chính nhờ tham gia du ca mà VHD. có bài thơ được Phạm Duy phổ nhạc trở thành bài hát nổi tiếng một thời. Thuở còn

sống, anh tâm sự là rất mê giọng hát “vượt thời gian” của Thái Thanh, người đã hát “tối nhất”, theo VHD., bản nhạc “Còn một chút gì để nhớ để thương”, và mong một ngày đẹp trời nào đó được diện kiến nữ ca sĩ tài danh này.

Bẵng đi một thời gian khá lâu, tôi được trưng tập vào quân đội giữa lúc tình hình miền Nam chao đảo nghiêm trọng rồi Sài Gòn thất thủ nhanh như một tia chớp ngoằn ngoèo phóng vụt qua bầu trời một lần để tan biến và tôi khăn gói đi cải tạo rồi được “tạm tha” về thì tôi bất ngờ gặp anh trong một buổi tối họp dân phố phường Thanh Bình, Đà Nẵng.

Trông bề ngoài anh vẫn không có gì thay đổi, vẫn ăn nói bộc tuyện như xưa nhưng trong chỗ riêng tư, anh thật tình khuyên tôi không nên quá tức bực mà phải chịu đựng trong lúc thất thế này. Điều anh khuyên tôi rất hợp lý là vì chế độ CS. thường cố ý dồn người dân đến tận chân tường để nạn nhân tất phần uất lên sẽ phản ứng thiếu sáng suốt rồi khi ấy họ mới có cơ để triệt hạ không thương tiếc. Tôi thấy anh có vẻ dày dặn kinh nghiệm ứng phó trong tình thế mới này dù anh chưa bị “cải tạo” lâu ngày gần 3 năm như tôi. Thời kỳ đó, gia đình anh cũng như nhiều gia đình khác trong đó có gia đình tôi sống khá thê thảm, ăn bữa no bữa đói. No nhờ ăn độn thêm khoai, sắn, bắp hoặc bo bo nếu không thì đói. Đã thế, mẹ anh lại bị bệnh bán thân bất toại nằm liệt giường nhiều năm kể từ sau 1975. Lương bổng chế độ mới không đủ cho cả nhà anh tiêu pha nên việc chạy chữa cho mẹ anh thêm phần khó khăn. Cũng may lúc ấy, một người bạn biết về Đông Y đã đến châm cứu “từ thiên” cho mẹ anh. Tôi cũng tiếp tay một phần theo lối Đông Tây Y kết hợp, cố giúp anh trong khả năng và hoàn cảnh bị quản chế của mình. Sau thời hạn quản chế 1 năm, dù chưa nắm trong tay giấy phục hồi quyền công dân, tôi đã “chạy” một giấy phép đi đường vào

Sài Gòn để tìm... cơ hội vượt biên. Ít lâu sau, tôi được tin anh từ trần qua Lữ và Lộc. Lúc ấy, Lữ từ miền Trung và Lộc từ Rạch Giá không hẹn mà gặp nhau ở Sài Gòn. Trừ A Khuê chẳng biết trôi giạt về đâu, còn lại 3 chúng tôi liêu lĩnh sống không hộ khẩu giữa thành phố bắt tắc đầy dẫy những con mắt rình mò phát hiện kẻ phản động! Riêng tôi chẳng có lấy một tờ giấy tạm trú hợp pháp mà chỉ có giấy chứng nhận hội viên câu lạc bộ của Hội Trí thức Yêu nước mà tôi bắt buộc dĩ phải “núp bóng” trong tình thế ngặt nghèo này. Tin nhà thơ VHD. qua đời làm tôi bàng hoàng sửng sốt. Anh từ giã cuộc rong chơi trần gian ngày 21-02-1981 (tức ngày 17-01 Âm lịch). Cái chết của anh thật oái oăm. Theo lời các bạn, anh đột ngột ra đi khi ăn mừng người anh trở về từ trại tập trung cải tạo. Có lẽ vì vui quá, anh đã quá chén và rớt từ trên gác xuống đất rồi đi luôn khi ngồi hay đứng gần lan can. Bình thường, anh uống rượu thì bạn bè không ai địch nổi. Thời thế buồn nản sau 75 đã làm anh “dụng tửu phá thành sầu”. Trước kia, anh uống 1 thì nay anh uống nhiều hơn bội phần. “Tiệc rượu bất hạnh” đã kết liễu mạng sống của nhà thơ khi anh chưa quá tuổi 40. Nếu miền Nam không sụp đổ, chắc chắn tài năng của anh đang phát triển sẽ có điều kiện bay cao bay xa hơn nữa trong vòm trời thi ca VN.

Hình như có một linh cảm về cái chết mà chỉ nửa tháng trước khi qua đời, VHD. đã sáng tác bài thơ “Kiểm điểm đời mình” hay “Bài thơ năm 40”. Anh không quên thú nhận “giỏi nghề rượu từ thuở mười lăm” và thành thật báo tin rằng “chờ ta đến xin nhớ phần rượu tặng”. Không chừng các bậc tiền bối xưa như Lý Bạch và Tản Đà sẽ thưởng cho anh một chén rượu đặc biệt để chào đón một người sinh sau đẻ muộn cũng có “tư tài” và thi tài như mình. Theo thiện ý của tôi, trong những sáng tác viết sau 1975, có lẽ bài “Những mộ quán” diễn tả được niềm thương tiếc của anh về một đất nước đã trở thành mộ quán?! Dù vậy, anh vẫn tin tưởng đất nước ấy sẽ hồi sinh qua lời thơ “Anh vẫn tin em sẽ quay về!”. “.

Australia tháng 01/1991.

(*) Theo nhà phê bình văn học Đặng Tiến, sinh quán của VHD ở tỉnh Thừa Thiên nhưng trú quán ở Đà Nẵng. Tôi ghi theo thư của vợ anh, chị Vân, gửi tôi năm 1991.

Vũ Hữu Định, người lang thang với thơ trên đôi dép cỏ Nguyễn Lệ Uyên

Đọc thơ Vũ Hữu Định nhiều lắm “ghiền” như “ghiền” hương thơm của người trinh nữ. Chỉ tiếc là chưa một lần gặp mặt anh qua những bức thư hẹn hò. Chúng tôi như hai con thú hoang ở hai đầu cánh rừng ngút ngàn lùm bụi, khói sương, suối sâu và bờ vực. Chúng tôi đuổi bắt nhau như bắt lấy chính bóng mình. Đó là những năm tháng kinh hoàng và mệt mỏi khoảng đầu thập niên 70. Tôi ngồi chờ anh ở nhà Hạc Thành Hoa (bên bờ kênh Cái Sơn, Sa Đéc) thì anh đã lên Sài Gòn. Phóng vội xe đò lên Sài Gòn thì hình như anh “nhìn thấy cơn sôi chột nhớ nhà” và leo xe đò về Đà Nẵng...

Đang múa may chữ nghĩa với đám môn đệ ở sông Cửa Tiểu thì nhận được điện tín kêu “lên gấp, Định chờ cậu hai ngày nay”... Cứ như vậy, kể cút người kiếm và cuộc hẹn hò chỉ còn nổi đầu hiu “văn kỳ thanh bất kiến kỳ hình”... cho mãi đến ngày chia ly và tới hôm nhận được lá thư từ miền Trung gửi vào báo tin Vũ Hữu Định vĩnh viễn bước đi trên lầu trắng vàng dải kéo tít tận trời cao thẳm... Hai con đường trắng xa lắc cõi mộng huyền: một rạch đường trắng soi tận đáy sông sâu và một bước thênh thang trên đường trắng ngút ngùi vô hạn. Cách xa nhau trùng trùng thời gian không chọn lựa, nhưng đều đến chung một đích tằm dằm trắng trong cõi bồng bát ngát...

Tới đây thấy lúa vàng đang chín

*Dừng lại nhìn thôn xa khói bay
Không biết nhà ai đang nấu rượu
Thoang thoang hương mùa đã muốn say.*

Năm kia, PCS bắt ngờ ghé nhà, rủ đi Pleiku. Đi khơi khơi chứ không mục đích gì rõ ràng. Tôi phóng lên chiếc xe 4 chỗ ngồi của anh, dọc theo đường 7 đi Cheo Reo, Phú Bổn lên “phố núi cao đầy sương”. Dọc đường hai anh em nhắc đến Vũ Hữu Định và đọc thơ Định với những lon bia ướp đá mang theo trên xe. Một cuộc tưởng nhớ nhà thơ theo phong cách của các đại gia lãng tử, rừng cây thưa giật lúi, gió vút xạt ra sau, quanh co đèo Tona với thung lũng Hồng sâu hoắm đá gềnh hai mép bờ sông Ba. Những cánh rừng thưa, đồng ruộng hẹp, những cánh rừng cao su thẳng tắp nối dài lên “phố núi”. Và rồi Pleiku sáng ánh đèn, đường dốc chập chùng lấp loáng. PCS lái xe đi thăm bạn bè, tôi ra vỉa hè ngồi uống cà phê ngắm “em Pleiku má đỏ môi hồng”. Em rực rỡ và ướt dầm trong cơn mưa đầu mùa. Em lung linh trong ánh đèn treo cao trên cây, em thấp thoáng sáng tối trong bóng cây che bóng, chập chờn trong tâm thức ngái ngủ nhớ quên. Không thể dần lòng, tôi buột miệng như một sự tình cờ:

*Phố núi cao phố núi đầy sương
Phố núi cây xanh trời thấp thật buồn
Anh khách lạ đi lên đi xuống
May mà có em đời còn dễ thương...*

Chủ gánh cà phê rong là một phụ nữ, không thể đoán tuổi tác, ở phía bóng tối tiếp lời:

*Phố núi cao phố núi trời gần
Phố núi không xa nên phố tình thân
Đi dăm phút đã về chốn cũ
Một buổi chiều nào lòng bỗng băng khuâng.*

Cái thằng tôi lúc đó chột nổi máu “cải lương” sau khi nháp ngậm cà phê đắng ngắt mà ngọt đến lưng lụng cõi lòng tan hoang:

*Em Pleiku má đỏ môi hồng
Ở đây buổi chiều quanh năm mùa đông
Nên mắt em ướt và tóc em ướt
Da em mềm như mây chiều trong
Xin cảm ơn thành phố có em
Xin cảm ơn một mái tóc mềm
Mai xa lác bên đôn biên giới
Còn một chút gì để nhớ để quên.*

Khách ngồi quanh là những cô những cậu trẻ măng nhìn chúng tôi như thể là đôi tình già chiều tắt nắng. Còn tôi, trong tận cùng sâu cảm, nghĩ bà chủ gánh cà phê rong, hẳn xưa kia là nữ sinh một thời áo trắng và yêu thơ Định. Tôi định bắt chuyện, nhưng lòng thì ngại ngừng đám con cháu ngồi quanh, chưa tìm ra câu mở đầu thì PCS tới. Hắn đưa tôi ra nhà hàng xa ngoài thành phố. Các quý ông quý bà đã ngồi sẵn quanh chiếc bàn rộng. Chào nhau. Mở champagne và nâng ly xã giao kiểu cách. Họ nói những chuyện phù phiếm về ca sĩ VN, về những bộ phim kích dục. Những món ăn phù phiếm bắt chước phương tây, rượu tây... rồi kéo nhau ra sàn nhảy. Bạn tôi cũng mê đắm xoay tròn điệu valse trắng lóa, đỡ lữ hừng hực tango như muốn cầu xé ngay bà mệnh phụ trong vòng tay chặt. Tôi mở trừng mắt nhìn màu hổ phách, nhìn đèn chiếu hư ảo trên vách trắng tõe màu tựa con thiên nga phun những giọt máu cuối cùng trước khi ngã gục bởi phát đạn của kẻ a tòng. Con thiên nga bẹp dí trên bãi cỏ xác xơ, giấu kín tiếng kêu bi thương dưới lớp lông trắng mượt:

*Cũng có lúc tới với đời dư dả
Có quanh anh lời hạnh phúc của người
Đông đủ những vẻ giàu vẻ đẹp
Lời hẹn hò xanh, đưa đón hồng tươi
Trong đám đông anh lại càng cô độc
Bởi một nơi đâu cũng ăn tạm ở nhờ*

Nhạc phập phùng trong lớp sáng tối chao nghiêng. Tôi ngán ngẩm xô ghế đứng lên và bước ra. Con đường rộng thênh sáng hắt hiu. Đêm về khuya lạnh. Sương thả nhẹ đủ vuốt lạnh cỏ cây, đồi núi và lạnh xiết trong lòng. Ngày xưa, Định có đi ngang qua con đường hoa cỏ này để thốt lên cõi bạc lòng như anh đã từng thất tình về một cánh bướm, con chim, dòng suối:

Răng đá sỏi cũng đau như là nước

*Anh biết mây cũng một chút muộn phiền
(...) Sáng khi đứng trên đèo cao cũng nhớ*

*Chiều anh đi theo con suối ngoằn ngoèo
Em còn bóng mà tấm thì đã mất
Em ở nơi nào, anh vẫn đi theo.*

Và “anh đi theo” thật. Anh lang thang với bóng hình biệt tấm kia trên đôi dép cỏ của người lữ hành muôn năm cô độc. Anh đi về phương Nam. Anh vòng ra phương Bắc và vĩnh viễn về phương Tây với cơn say túy lúy, nghiêng ngã đất trời bởi bóng hình Em vô tư. Những bước chân trên đôi dép cỏ lang thang cùng trời cuối đất chưa dần nổi lòng trống trải, chưa tịnh được cõi mộng kéo dài lê thê, bướt chngập chòn trên những nẻo đường gãy khúc, buồn lòng ghé “quán cô hồn” một cách tình cờ, để nhận ra nỗi cô đơn thứ hai khủng khiếp hơn:

Chiều khó thờ ngồi bên quán xép

*Một miếng khô, một xi rượu nồng
Nhai là nói với đời lặn đạn
Uống là nghe sầu cháy long đong
Khi cô quán đốt đèn dầu hỏa
Nhan sắc cô em buồn bã vô cùng
Khi nghe tỏ: cô mới làm quả phụ
(Thời yêu nhau chưa hết một mùa đông)
Muốn nói cùng cô đôi điều an ủi
Nhưng có điều gì để đáng nói đâu
Ta là khách. Còn cô hàng là chủ
Cũng có trong lòng một hố sâu*

Quành trở lại gánh cà phê rong trên vỉa hè, nhưng chỉ thấy những tàn thuốc vương vãi. Định bụng chia sẻ về một quá khứ xa xôi đã không thành. Định bụng tỉ tê về một bạn thơ và những bài thơ tình, thơ rượu đã lặn sâu sau ánh đèn vàng vọt trên “phố núi” của anh một thời yêu dấu. Tôi lang thang dưới cơn mưa khuya heo hắt và tưởng tượng những bước chân lang thang cùng trời cuối đất của anh ngày nào. Chớ chi mà giờ này còn một quán rượu nghèo. Chớ chi mà đêm trở giấc là ngày, là buổi chiều lấm thắm mưa bay là buổi tối mưa bay lấm thắm để ngồi uống một ly rượu nhạt nói với anh câu hự vô trong cõi tịnh yên. Và bỗng nhiên tôi nhớ đến bài thơ “thiếu rượu” của Định viết hồi năm 73. Không phải cách thiếu rượu của Nguyễn Bắc Sơn tan nát anh hùng: “Mùa này gió núi mưa bưng/Trong lòng thiếu rượu anh hùng nhát gan/Mùa này gió bãi mưa ngàn/Trong lòng thiếu rượu hoang mang nhớ nhà”; mà là một nỗi buồn mênh mông như lớp sương mù che kín sóng biển khơi. Tôi nhớ mãi bài thơ này, bài Đêm Mưa Thiếu Rượu Nhớ Lý Hạ là lúc chúng tôi chạy vòng vòng đuổi bắt nhau mà không nắm được tay nhau, không nhìn được mặt nhau, nói dăm ba câu thơ thần, chỉ có mẫu giấy vàng ố, to hơn bàn tay xòe, chữ bút bi nhòe sũng nước. Tôi giữ mẫu giấy của anh mãi đến ngày cuối cùng năm 75 thì mảnh giấy kia cũng tan theo thể cuộc. Nhưng hề chi, trong đầu tôi, lúc buồn buồn vẫn rung lên bài Lý Hạ:

*Lý Hạ xưa say bằng huyễn mộng
Ta nay say bằng rượu pha cồn
Cảm đau nhân thế người trong sử
Rượu đắng cay mà sao thấy ngon*

*Lý Hạ yêu người mà hóa quỷ
Ta yêu người nên nghèo rớt mồng tơi*

*Đêm mưa thiếu rượu thương người cũ
Ngâm vài câu Lý Hạ, rợn người*

*Cứ tưởng nằm kề bên họ Lý
Gác chân nhau nói chuyện biển dâu
Ma quỷ sợ tâm hồn ướt rượu
Gối chai không mà thương nhớ nhau*

*Thời đại thánh thần đi mất biệt
Còn lại bơ vơ một giống sâu
Rót mãi, bao nhiêu tình cũng cạn
Nâng ly, nhìn thấy tóc bạc mau
Mưa nhưc, mưa như cuồng, tức thờ
Thịt rỗng đâu, nem phượng ở đâu?
Đũa ngọc, chén vàng đâu mất cả
Mắm ruốc, me chua cũng cháy hết sâu*

*Mời nhau một chén đêm huyền sử
Lý Hạ đâu – Còn ta ở đâu?*

Đôi khi, buồn, tối vẫn nhẩn nha câu hỏi này để tự hỏi về số phận của những người viết văn làm thơ, những kẻ lang thang trong chính cõi lòng của mình.

Viết mấy dòng này như một nén nhang để tưởng nhớ anh. Vũ Hữu Định, người bạn thơ chưa từng thấy mặt, chưa từng ngồi trong quán cóc với “mắm ruốc, me chua cũng cháy hết sâu”.

Tháng 2-2002

Tháng giêng nhớ Vũ Hữu Định Trần Trung Sáng

1.

“Còn Một Chút Gì Để Nhớ” là tên một bài thơ của Vũ Hữu Định, viết về thành phố Pleiku, khi anh ghé đến thăm người bạn gái nhỏ vào năm 1970. Bài thơ in lần đầu cùng năm trên tuần báo Khởi Hành (do nhà thơ Viên Linh phụ trách), và trở nên phổ biến rộng rãi, được nhiều người hết sức yêu chuộng, sau khi nhạc sĩ Phạm Duy phổ thành ca khúc. Trước đó, mặc dù đã làm thơ khá nhiều, nhưng hầu như cái tên Vũ Hữu Định chưa được ai biết đến, bởi thơ của anh chưa từng góp mặt trên những diễn đàn văn nghệ tầm cỡ của miền Nam như Văn, Bách Khoa, Văn Học... (theo Đinh Trầm Ca :”Bút hiệu đầu tiên của Vũ Hữu Định là Hàn Phong Lệ, làm thơ vào những năm 60. Tôi đã thấy cái tên này trên những tờ báo không có “tầm cỡ” cho lắm”). Đáng lưu ý, cũng thời điểm này, qua việc phổ nhạc một số bài thơ, tình cờ Phạm Duy đã giới thiệu với công chúng nhiều tác giả chưa từng được biết tên : Linh Phương (với Kỷ vật cho em), Nguyễn Tiến Cung (với Rừng U Minh ta không thấy em), Vũ Hữu Định (với Còn một chút gì để nhớ)... Phạm Duy cho biết, ông đã từng tìm gặp Vũ Hữu Định ở Pleiku trong một chuyến đi tìm cảm hứng và nhất là tìm hiểu tâm trạng những nhà thơ trẻ, đại đa số khi ấy đang đi lính hay đang trốn lính. Khi chọn và phổ nhạc bài thơ của Vũ Hữu Định, ông không thêm bớt một chữ nào. Ông đã giữ nguyên vẹn cấu trúc cũng như vận tiết

của bài thơ, chỉ dùng một thanh âm có bán cung của dân ca Jarai hay Bahmar để gọi cái không khí cao nguyên và một chuyển giọng ở đoạn cuối để cho bài ca có thêm màu sắc. Tuy nhiên, trong trường hợp này, phải thừa nhận, Vũ Hữu Định đã nhanh chóng chớp thời cơ, khẳng định tên tuổi của mình qua hàng loạt bài thơ xuất sắc, khí phách, ngang tàng trên văn đàn.

Vũ Hữu Định cũng tạo ấn tượng với giới văn nghệ miền Nam bằng chuyến giang hồ cùng nhạc sĩ Trần Quang Lộc khi vào Sài Gòn làm đình đám tại Hội quán cây tre của ca sĩ Khánh Ly để giới thiệu thơ anh và nhạc Trần Quang Lộc. Thời gian Vũ Hữu Định lang bạt tại Sài Gòn, nhà thơ Du Tử Lê kể lại: “Lúc này là thời gian Nguyễn Tất Nhiên (tác giả nhiều bài thơ cũng được nhạc sĩ Phạm Duy phổ nhạc nổi tiếng như Thà như giọt mưa, Em hiền như ma xơ...) tha người về nhà tôi nhiều nhất. Trong số những người Nhiên tha về đó, có Vũ Hữu Định. Nhiên cười toe bả, Vũ hữu Định đẩy anh. Em Pleiku má đỏ môi hồng đó anh... Lúc này ca khúc Còn Chút Gì Để Nhớ của Phạm Duy đang trở thành phổ thông. Tôi nghĩ, phải thành thật ghi nhận rằng, trước khi có ca khúc Còn Chút Gì Để Nhớ, gần như không ai biết tới Vũ Hữu Định. (Phải vì thơ anh ít xuất hiện trên mặt báo?)

Du Tử Lê cũng nói rõ: “Điều tôi thích nhất nơi Vũ Hữu Định, là Định không bao giờ thảo luận văn chương với tôi. Định cũng rất họa hoằn bắt tôi phải nghe thơ của Định. (điểm này, Vũ Hữu Định hoàn toàn trái ngược với Nguyễn Tất Nhiên.) Định cũng không màu mè, không lên gân, không tác điệu cho ra vẻ của một người làm thơ. Cần gì, Định nói thẳng thành lời, chẳng quanh co rào đón. Bên trong cái dáng vẻ cục mịch, hơi ngơ ngác, Vũ Hữu Định, trong ghi nhận của tôi còn là một người rất ý tứ...”.

2.

Sinh thời, vốn trải chịu một cuộc đời đầy đắng cay, lặn đạn, có lẽ vì vậy, mà thơ của Vũ Hữu Định thường mang tâm trạng u hoài, ta thán về một kiếp người lỡ vận: “*Ta đã hát khúc hát đời lỡ vận. Hát âm u trong đêm tối một mình.*” Hình như, với nhà thơ, dưới mỗi bước chân đi luôn dự báo ngày tháng héo hon của kiếp người:

*”Một ngày gió tạnh bên vườn cỏ hoang
Ta nhìn con sâu đo đo đoạn đời buồn
Em có biết dưới lá mơn hạnh phúc
Trên chân sâu từng ngày tháng héo hon”*

Tuy nhiên, đặc sắc hơn cả là những bài thơ Vũ Hữu Định viết về rượu và chuyện giang hồ. Hầu như phần lớn nội dung các sáng tác của anh đều quanh quẩn ở hai chủ đề này. Chẳng hạn về rượu, đáng nhớ nhất là các đoạn:

*”Một ngày rượu uống sao không mềm môi
Một ngày nhớ nhau gió xé mây trời
Cỏ cây cũng gục trong sầu ngất
Một ngày quạnh hiu chết chặm trong đời”
(Ngày quạnh hiu.*

Hoặc:

*”Lý Hạ xưa say bằng huyễn mộng
Ta nay say bằng rượu pha cồn
Cảm đau thân thể người trong sử
Rượu đắng cay mà sao thấy ngon”
(Đêm Mưa Thiểu Rượu Nhớ Lý Hạ)*

Về chuyện giang hồ, đoạn thơ dưới đây được nhiều người biết hơn cả:
”Chiều dựng. Mùa đông mây xám ngất.

*Núi cao trời thấp có ta về.
Giang hồ đâu có ai phong ấn.
Mà nghĩ từ quan trở lại quê”
(Chẳng Hay)*

3.

Trước 1975, mặc dù đời sống áo cơm của gia đình Vũ Hữu Định rất khó khăn, nhưng với bạn bè, anh luôn hết mực trái lòng. Hầu như lúc nào chung quanh anh, cũng có dăm ba người bạn với những cuộc rượu tương bưng. Song, gần gũi, chia sẻ và khích lệ Vũ Hữu Định nhiều nhất trong đời sống lẫn thơ ca là Trần Dạ Lữ. Chính vì vậy, anh có những vần thơ tặng Trần Dạ Lữ đầy cảm xúc, đậm tình bằng hữu:

*“...tôi có nhiều người bạn Huế
thường nói với nhau về Huế của mình
xa thì thương ở gần dễ giận
đi xa Huế dẫu đời lận đận*

*nhưng còn Thành Nội trong tim
nhưng còn hình ảnh núi Ngự sông Hương
cái huyền thoại nghe buồn dễ sợ ...*

(đọc những câu thơ này, cũng làm liên tưởng đến mối tâm giao của anh với những người bạn khác(gốc Huế) tại Đà Nẵng vào lúc này như: Hồ Đắc Ngọc(hoạ sĩ), Hoàng Đăng Nhuận (hoạ sĩ)...))

Tô Như Châu (1935-2000), tác giả bài thơ "Có phải em mùa thu Hà Nội"(Trần Quang Lộc phổ nhạc năm 1972) cũng là một trong những người bạn có thời gian dài gắn bó với Vũ Hữu Định (sau 75 hai anh cùng làm nhân viên điện lực, cùng có mặt trong cuộc rượu cuối cùng của VHĐ). Trong bài thơ Tô Như Châu có đoạn: "Thôi thì có em đời ta hy vọng/Thôi thì có em sương khói môi mềm" gợi lên điều gì đó rất gần với "May mà có em đời còn dễ thương" của anh Định. Ngược lại, "Còn chút gì để nhớ" của Vũ Hữu Định cũng dễ làm nhắc nhớ đến "Một chút cho tình yêu" - tựa đề tập thơ của Đinh Trầm Ca rất nổi tiếng vào thời điểm này. Dù vậy, tôi không có ý so sánh các tác giả đã có ảnh hưởng nhau, nhưng chắc rằng, mối tri âm bằng hữu đã để lại ít nhiều dấu ấn trong tác phẩm của họ.

Vào khoảng năm 1996, một số thân hữu của nhà thơ Vũ Hữu Định đã góp tay, góp tài chánh để thực hiện tập thơ "Còn Chút Gì để Nhớ" do nhà xuất bản Trẻ tại thành phố HCM ấn hành. Tuy nhiên, đến nay, nhiều người cho rằng vẫn còn nhiều bản thảo của anh lưu lạc trên bạn bè chưa tập hợp đầy đủ./.

Bản tác giả gửi - Phongdiep.net

Vũ Hữu Định, đường gian nan chạy suốt kiếp người Ngô Nguyên Nghiễm

Bóng dáng của Vũ Hữu Định như một con ngựa hoang, ngày tháng chất chồng trên vó ngược mà chính bản thân chủ nhân cũng không lường trước được phương hướng để định vị cuộc đời trước mặt. Đã là hóa thân loài ngựa hoang, sự thuần hóa là điều không tưởng, bước đi nhảy vọt không hai chân mắt, vì vậy hướng tương lai như chiếc bóng phù ảo, cứ chạy đuổi miệt mài trong cái hư không vô cùng tận. Có lẽ định mệnh quy cách cho một số phận đầy nghiệt ngã, khiến Vũ Hữu Định cứ rong cương cật vó vô định

hình trong không gian lưu trú, lãng bạt suốt bề dài tuổi thanh niên. Cũng có lẽ bao nhiêu bất trắc cứ đổ đầy trên số phận nhà thơ, đem tất cả phong trần thế gian phủ chụp cho nát nhàu kiếp số. Long đong và nghiệt ngã bám đầy trên vai áo Vũ Hữu Định không biết bắt đầu từ lúc nào, nhưng khi anh gặp tôi tại Sài Gòn, hình như gió bụi cộng sinh đã là chiếc bóng gắn chặt vào cuộc đời, không tách rời khỏi được số phận và thơ Vũ Hữu Định. Chán hòa tan nát trong sự vẩn vù của vũ trụ, bản thân như hạt cát lẻ loi giữa sa mạc, cái mất đi còn có hình thể gì đâu mà phải phân trần, nhưng cái còn lại của một tâm thức người thơ trụ lại được trong cái an nhiên, thì đó là cái khó được thử thách thật quyết liệt. Vũ Hữu Định biến hóa sự nghiệt ngã trở thành sự tịch tịnh hằng ngày trong hành xử với thế sự và chính bản thân, như một đóa sen hồng điềm đạm thanh khiết giữa túp bể sương khói phủ vây. Trong đời tôi, giao tiếp thân tình với bằng hữu bốn phương, dĩ nhiên cũng gặp nhiều khuôn mẫu tuyệt vời trong cuộc sống. Nhiều nhân dáng chuyên chở từ tâm thức kỳ diệu gần như những đạo vị, được hóa thân tự tại, dù có quay cuồng trong nghiệt ngã... Vũ Hữu Định là một con ngựa bạch lãng bạt phiêu du dưới những giọt trăng vàng, đối hớp sương tạo dựng sự sung mãn cho khí thơ, hiện thành bất chợt luân lưu hòa nhập với từng đoạn đường trường sai vó qua trường.

Thần nhiên bước lên cuộc sống không giây phút bình yên, Vũ Hữu Định không bao giờ thiếu nụ cười cợt đùa với thế sự chung quanh. Thoạt đến thoạt đi, là phương chăm hành sự khiến có lúc anh em quan tâm chờ đón cũng không định được phương hướng dừng chân của Vũ Hữu Định. Thật ra, hoàn cảnh bất hợp lệ khiến đời sống anh có một sự thay đổi lớn, luôn lãng ba vi bộ trước biến động trên lộ trình. Chính vậy, phần vì tế nhị với bạn bè, phần vì lãng bạt của tính nghệ sĩ, Vũ Hữu Định di chuyển thường xuyên để khỏi phiền hà cho bằng hữu, hơn nữa sự ra đi cũng là những bước thơ rơi, giúp nhà thơ hóa hiện nhiều tác phẩm tuyệt cùng. Trong đời, có lẽ Vũ Hữu Định là một trong những nhà thơ viết dễ dàng và nhanh chóng trên bất cứ hoàn cảnh nào. Thơ Vũ Hữu Định bộc phát thật tự nhiên, như hoa phải nở, trăng phải soi và sương phải phủ mờ vạn vật. Bất chợt trên đường hoạn lộ, nhập tâm vào cuộc lữ hành và khiến thơ hóa hiện bằng những tinh túy vừa rơi rụng, làm nảy nở từng đóa hoa lung linh giữa trời đất...

Năm 70 cách đây hơn 40 năm, thời loạn ly giữa bao nhiêu tin chiến sự làm cuồng rối cuộc sống của quê hương, anh em văn nghệ cật lực bày tỏ tiếng nói của tuổi trẻ bằng những tạp san, rải rác hầu hết các tỉnh thành trong cả nước. Mỗi tờ báo đều có quan điểm riêng, nhưng tụ chung vẫn là mặt trận phản đối chiến tranh diệt chủng. Sự gặp gỡ tên tuổi hằng ngày trên các báo chí văn nghệ, đã giúp trong lòng anh em hình thành một sự quen biết vô hình, nhưng trân trọng nhau một cách chân thành. Đến khi có dịp gặp mặt thăm viếng, thì đã như mối thâm tình giữa những cố nhân. Vũ Hữu Định lách thếch bộ hành qua cây cầu chữ Y dài gần 700m, vào tìm tôi ngay buổi trưa ngày giáng sinh 1971, nhốt cả hồn thơ trong một vóc dáng thấp đậm người, mà nụ cười là điểm chính yếu luôn hiện diện trên môi anh. Phong phanh trong chiếc sơ mi bỏ ngoài, lẹp xep đôi dép Lào bước vào tệt xá. Người mà Vũ Hữu Định gặp đầu tiên là Nguyễn Thành Xuân và Trương Quang Vinh, lần lượt xưng tên rồi khoác vai nhau kéo vào hàn huyên. Bản tính Vũ Hữu Định xuề xòa, cởi mở mà sự thông dong của anh hình như thể hiện được cung cách tự nhiên trong đời sống. Tôi chưa hề nghe Vũ Hữu Định than thở, dù từ thời gian 1970 – 1974 anh đi – về với tôi tại thư trang Quang Hạnh hầu như thường xuyên. Mỗi lần xuất xứ với chuyện đời, Vũ Hữu Định thường về kể tôi nghe những diễn biến mà anh lượm nhặt được từ bốn phương trời, quy cũ lại và đưa ra trò chuyện với nhau.

Những kỷ niệm của nhiều người bạn làm văn nghệ, mỗi người có cách xử thế riêng biệt, đậm tính khí của tâm hồn mỗi cá thể. Nét tiêu dao phong thái của một Trần Kiều Bạt có tính cách giang hồ, đậm nét lãng bạt Nam bộ và hy sinh như phong thái của Lương Sơn

Bạc. Cung cách của một Nguyễn Bắc Sơn, lại dăm chiêu giữa cái khí cốt phương Đông, gác kiếm ngay trên trận chiến rượu tàn, mà phá phách chơi ở mọi điểm lữ trần gian. Phạm Nhã Dự thì lảng đãng trong sương mù của 18 thôn vườn trầu, mọi khí hậu tinh sương đều được nhà thơ cung hiến hết cho bằng hữu tâm giao, mà đối với anh, mới cũ vẫn tứ hải giai huynh đệ. Một Hà Thúc Sinh thì nhẹ hẫng bước phong lưu với đồng điệu, đến nỗi: “*Hà Thúc phu nhân coi buồn lắm/ Sửa thiếu làm sao tiếp rượu chồng*”...Hàng hà sa số bằng hữu văn nghệ, cái tâm của anh em nhiều khi ảnh hưởng cực kỳ với sáng tác. Hình như tất cả chân thật của cõi lòng, dù ở bất cứ hoàn cảnh phủ chụp nào, cũng là một hạnh ngộ để nhào nắn giữa khuôn đời. Tôi cảm nhận, Vũ Hữu Định có một chút lảng bạt của Trần Kiều Bạt, sự tự tin nhẹ nhàng của Hà Thúc Sinh, hòa – hoa – nghĩa – khí- chân - thành với đời sống như Phạm Nhã Dự, chút nghiêm cẩn rộng mở cái tâm bát ngát bốn phương như trường hợp Nguyễn Lê La Sơn...Chính vậy, bên ba trong cuộc đời đầy hệ lụy, nhưng Vũ Hữu Định vẫn giữ vững được bản sắc du hành tuyệt diệu cho thơ. Đến đâu thơ cũng tràn ngập trên thần trí, tràn ngập cả không khí vây quanh. Tôi không hiểu ở thời đại Thiên sư Basho, khi chống gậy dậm ngàn sương gió, phong vũ có dồn dập ảnh hưởng đến phong thái ông như thế nào. Mà ngàn bài Hai Ku kỳ diệu lảng động cả thiên thu. Chỉ có điều hình ảnh của Vũ Hữu Định cũng có dáng dấp lênh đênh, trôi nổi giữa trần gian, trong cái tâm còn quầy quã xáo trộn vô thường, khác hẳn điều hạnh phúc an nhiên thiên vị của Basho, trên bước thiền hành. Thơ Vũ Hữu Định vẫn gieo hoa giữa không gian, đầm đìa cả một trời nghiệp chướng của nhân sinh, mà những khúc trường ca lơ vện là một hướng nhìn tan tác tội nghiệp của kiếp người: “*Ta đã hát khúc hát đời lơ vện/ Hát âm u trong đêm tối một mình*”, mà nhiều lúc tàn canh uống từng giọt rượu cô đơn để chợt thấm đẫm trách nhiệm cương thường: “*Ta đã hát khúc đời lơ vện/ Khúc hát buồn như một khúc sông con/ Khúc hát cay như những lần uống rượu/ Khúc hát chua như một đĩa cũ mòn/ Khúc hát đời cha nay đến đời con*”. Chợt nhớ trong bao lần ngẩng bóng để lảng quên, nhưng làm sao được, ở quê xa chợt ẩn hiện man mác đau lòng: “*Mười năm cha mẹ đau chân sỏi/Sớm lặn trường xa, chiều lội bãi cồn*”.

Vũ Hữu Định có một sự cương nghị trong cuộc sống, dù phiêu pha có phủ đầy trên số kiếp nhưng đời thường anh vẫn trầm tĩnh đến độ phớt lờ những khắc nghiệt đó. Hình như, trong những cuộc giao tiếp, thần thái Vũ Hữu Định hòa đồng trong nếp sống hồn nhiên của mọi người, nhưng những đêm dài lẻ loi, đầy vơi ý nghĩ trên chén rượu, làm sao không bừng cháy những ám ảnh riêng tư: “*Thời đại thánh thần đi mất biệt/ Còn lại bơ vơ một giống sâu/ Rót mãi, bao nhiêu tình cũng cạn/ Nâng ly, nhìn thấy tóc bạc mau*”, những câu hỏi đặt ra như một cách tự vấn: “*Anh là một gã giang hồ tới/ Lòng hoang như con lộ không đèn/ Ngồi với hồn sầu ly rượu cạn/ Sao mới vài ly mà đã say?*”

Thế là, Vũ Hữu Định lưu vong sống trong Thư trang Quang Hạnh của tôi, thấm thoát cũng gần 4 năm, bắt đầu từ cuối năm 1971-1974. Thời gian vật đổi sao dời, đối với con chim di Vũ Hữu Định như một cái cớ để xếp cánh tạm lảng trong không gian ân tình. Tôi thường xuyên chở Vũ Hữu Định trên xe Honda 67, lúc thăm viếng A.Khuê, lúc qua Phạm Duy, hẹn hò Phạm Chu Sa...Đi xe máy thật ra là một phương tiện để di chuyển nhanh gọn, tránh cho Vũ Hữu Định những cuộc tra xét bắt chợt giữa lộ trình. Năm 1973, có hai chuyến di chuyển đầy kỷ niệm, khắc sâu thêm tình cảm của Định với đồng bằng miền Nam, mà anh thường cười nói, nghĩa khí bạt ngàn trên từng cọng lúa. Trưa hè 1973, tình cờ Phạm Trích Tiên có lời nhắn gởi mời về thị trấn Tân An (Long An) cách Sài Gòn hơn 50 cây số, mà Phạm Trích Tiên rào đón, ngày cuối tháng lương bổng dồi dào, để khỏi mất mặt với phương xa. Thật tình tôi ngại đường xa và túy tửu vô chừng, nhưng Vũ Hữu Định lại phấn khởi, đốc xúi tôi làm một chuyến di chuyển cho biết một tình lý miền Tây gần gũi Sài Gòn nhất. Chiều ý, tôi cũng đèo Vũ Hữu Định trên chiếc hắc mã 67, về hội ngộ Phạm Trích Tiên sau gần 6 tháng không gặp mặt. Cái đến thì tự khắc

sẽ đến, sự chờ đợi của Phạm Trích Tiên cũng được đáp ứng với hiện diện của hai gã phiêu linh. Tiệc tùng đầy rẫy, rượu tràn khoe môi, tửu phùng tri kỷ, ngàn ly cũng chưa đầy. Ông Phạm Trích Tiên thì như hủ chìm, ông Vũ Hữu Định thì như rồng gặp nước... thơ thần vun vẩy tứ phương, ca ngâm loạn nhịp nào ai hay ai biết, vì thần trí gởi cả cho gió ngàn bay. Trong tiệc rượu tới giai đoạn tung khai lý lịch, hai nhà thơ chợt hét lên ôm chầm nhau trong một phút cảm ngộ tuyệt vời. Tôi còn ngỡ ngàng nhìn tìm hiểu, thì Phạm Trích Tiên cho hay khi nhắc đến gia đình, thì ra Vũ Hữu Định lại là con nuôi của người cô ruột Phạm Trích Tiên khi lưu lạc vào miền Tây ở tuổi thiếu niên. Mọi sự thế đều được an bày, có tránh được định mệnh đâu, mà phải thở than? Như trên chuyến đò ngang, kẻ thất phu cũng hiểu rằng giữa dặm trường vẫn còn tiếng gió sương vương vãi: *"Chạnh lòng ngó chuyến đò ngang/ Tiếng kêu sương gió dặm đường quạnh hiu"*.

Bản tính của Vũ Hữu Định là cả vì anh em, nên tôi chưa bao giờ nghe anh than phiền một ai, dù rằng trong đời sống phiêu lãng anh cũng gặp nhiều chuyện trái ngang thế thái nhân tình. Nhưng chỉ có một lần duy nhất, không biết Nguyễn Đức Sơn có thái độ ngang trái gì với chàng thì nhân gió bụi phong trần này, mà trong đời tôi chưa hề thấy cơn giận dữ nào khiến phủ lấp đầy vui trên khuôn mặt luôn luôn nở nụ cười của Vũ Hữu Định. Ngày 29/07/1973 tại tệt xá, Vũ Hữu Định nghiêm chỉnh bày tỏ thái độ với Nguyễn Đức Sơn trên một bức tâm thư, đích danh tranh luận chính kiến với danh dự của một kẻ sĩ... Tôi cũng không lạ gì tính khí trái trời của các chàng thi sĩ đầy vẻ độc tôn, để dành giựt ngôi vị bắc đẩu. Một việc làm nghi kỵ khiến đời sống chao đảo, đưa đẩy vào cái hư vị phù du, mà danh vọng chỉ làm bận lòng cho thơ. Tình cảnh Vũ Hữu Định trong giai đoạn cùng cực của nẻo sống, nên chỉ có danh dự là sự tự trọng chân thành. Anh trao tôi xem bản văn ngỏ với Nguyễn Đức Sơn, khiến tôi cũng buồn lây cho sự thế xáo trộn, thiện ác huyền hoặc ẩn hiện giữa lớp người. Định tâm, tôi khuyên giải Vũ Hữu Định suốt hai ngày ròng rã, mới lấy được bản văn ngỏ lưu lại với thiên thu. Vũ Hữu Định thần nhiên bỏ lại những phiền toái sau lưng, lưng thưng lướt vào gió bụi. Bây giờ, thị phi không còn đọng trên nếp áo, nhà thơ chỉ biết nghiêng tai lắng nghe trời đất, vạn vật, để ôm cả buổi chiều rơi rụng vào thơ: *"Anh có nghe bên đường tiếng chim kêu/ Con chim chi buồn chết cả buổi chiều"*, hoang vu cô độc nhớ nhung chất chồng trên cả đường đi lối về, với: *"Những con đường núi sâu hun hút/ Những phố điu hiu không nhớ tên"* và: *"Thấy gì không giữa bao la?/ Bỗng nghe tìm động nổi nhà quạnh hiu."*

Bóng dáng khiêm tốn khi đứng vươn vai so bì với thiên địa, bản chất hào nhiên lại là chân khí tuyệt diệu của thi nhân. Vũ Hữu Định thần nhiên trước mọi cuồng rồi vây phủ chung quanh. Trong tâm thức chắc chỉ còn cô đọng một khối oan khiên cho riêng mình, mà nhiều khi số phận đã khiến nhà thơ trải lòng cảm ngộ với những bóng hình phủ chiếu xuống thân ta: *"Chiều khó thở ngói bên quán xếp/ Một miếng khô, một xí rượu nồng/ Nhai là nói với đời lận đận/ Uống là nghe sâu cháy long đong.....Ta là khách, còn cô hàng là chủ/ Cũng có trong lòng một hố sâu."*

Trường đời dàn trải đầy nghịch cảnh gai góc, khiến suốt quãng đường đi qua của Vũ Hữu Định quay quắt như con vục cuồng xoay. Cái điệu linh không thoát thành lời, họa chăng chỉ có thơ gieo từng hạt lân tinh trên đường phiêu bạt, đã làm cháy xém đi những tang thương chất chồng trên suốt một kiếp người...

*Viết tại Thư trang Quang Hạnh
(Đêm hạ huyền, tháng 7 âm lịch, 2011)*

Nhà thơ Vũ Hữu Định Nguyễn & Bạn hữu

Vũ Hữu Định (1942-1981), tên thật Lê Quang Trung, là một nhà thơ nổi tiếng. Tên tuổi của ông gắn liền với bài thơ Còn chút gì để nhớ, được nhạc sĩ Phạm Duy phổ nhạc năm 1970 thành ca khúc cùng tên.

Vũ Hữu Định làm thơ đăng báo từ khoảng thập niên 1960, với bút danh Hàn Phong Lệ, về sau đổi thành Vũ Hữu Định. Tên Vũ Hữu Định bắt đầu phổ biến cùng với bài thơ “Còn chút gì để nhớ của ông.

Vũ Hữu Định vào đời sớm, lập gia đình sớm và sống nghèo trong suốt quãng đời ngắn ngủi của mình. Ngoài làm thơ, ông từng làm cán bộ xây dựng nông thôn ở Đà Nẵng. Sau biến cố 1975, ông ở lại Việt Nam và bị đưa đi học tập cải tạo 1 tháng.

Vũ Hữu Định được biết đến là một người mê rượu, tuy nghèo nhưng có máu giang hồ, tính tình phóng khoáng. Ngày 3 tháng 4 năm 1981, sau 1 chầu rượu với bạn bè, ông bị té lầu và qua đời, hưởng thọ 40 tuổi.



Vũ Hữu Định - tranh TT Minh

Bài thơ Còn Chút Gì Để Nhớ viết năm 1970, khi nhà thơ sang thăm 1 người bạn ở Pleiku. Cùng năm này, bài thơ được đăng báo Khởi Hành của Viên Linh và được nhạc sĩ Phạm Duy phổ nhạc thành ca khúc, rồi trở nên phổ biến với giọng hát Thái Thanh. Ca khúc được phổ theo nhịp 3/4, điệu Boston, lời thơ vẫn giữ nguyên với khổ thơ cuối được nâng lên thành ca trào.

Sau này nhà văn Nguyễn Nhật Ánh, bạn thân của ông, cũng có 1 tiểu thuyết lấy tên Còn chút gì để nhớ.

Nhà phê bình Đặng Tiến đã viết về Vũ Hữu Định như sau trong tiểu luận “Vũ Hữu Định, tình ca lỡ vận”:

“Văn thơ miền Nam 1954-1975 được gọi là nền văn học bất hạnh. Vì nó đã bị xuyên tạc, tuyên án, thiêu hủy và bôi xóa; các tác giả đã bị tù đầy, đọa đày và lưu đầy. Trong số đó, có nhà thơ Vũ Hữu Định (1942-1981), từ 1972 đã xem mình như một người lỡ vận;

*Ta đã hát khúc hát đời lỡ vận
Hát âm u trong đêm tối một mình (tr. 65)*

Vũ Hữu Định tên thật là Lê Quang Trung, sinh tại Thừa Thiên, sống nhiều nơi ở Tây Nguyên, lập gia đình tại Đà Nẵng và định cư tại đây. Làm thơ từ thập niên 1960, đăng báo rải rác. Năm 1975, đi học tập cải tạo một thời gian ngắn vì là cán bộ Xây dựng

Nông thôn, rồi làm công nhân Nhà Đèn. Đầu năm 1981, tại làng An Hải, Đà Nẵng, anh qua đời vì say rượu té từ lầu một, cái chết còn gây nghi vấn. Sinh thời, anh không có tác phẩm xuất bản. Đến 1996 bạn bè mới đóng góp để nhà xuất bản Trẻ ấn hành thi tập. Còn một chút gì để nhớ gồm 45 bài, lấy tên từ một bài thơ được Phạm Duy phổ nhạc và thịnh hành một thời:

*Phố núi cao phố núi đầy sương,
Phố núi cây xanh trời thấp thật buồn* (tr. 5)

Hiện nay, sau khi tái bản thơ Nguyễn Bắc Sơn, Linh Phương, truyện ngắn Y Uyên, nhóm Thư Ấn Quán của Trần Hoài Thư, Phạm Văn Nhân đã sưu tầm và in lại thơ Vũ Hữu Định để tặng biếu, không bán, trong tinh thần bảo lưu và truyền bá di sản văn học miền Nam. Chúng tôi đã có lần đề cao thiện chí này; nay một lần nữa, xin công nhiên ca ngợi một việc làm tâm huyết.

Thơ Vũ Hữu Định lần này gồm 80 bài – chắc là còn thiếu – là một tập thơ hay, tài hoa, trong sáng, đáp ứng được sở thích đông đảo người đọc; một tác phẩm có giá trị cao về mặt tư tưởng, tình cảm, nghệ thuật, lưu lại tấm lòng của nhà thơ quá cố, ghi tạc niềm thủy chung của bằng hữu, trong một hoàn cảnh lịch sử, xã hội nghiệt ngã và bạc bẽo.”